

Số: ~~2204~~/ QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-ĐHDL ngày 01/04/2022 về việc ban hành Quy định xét và cấp học bổng của Trường Đại học Điện lực; được thay thế "Phần I. Học bổng khuyến khích học tập" kèm theo Quyết định số 1653/QĐ-ĐHDL ngày 10/10/2023 của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-ĐHDL ngày 29/03/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc giao kế hoạch vốn từ nguồn Quỹ hỗ trợ sinh viên năm 2024;

Căn cứ Biên bản số 2809/BB-ĐHDL ngày 30/12/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ II năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2023-2024 cho 1003 sinh viên (danh sách kèm theo);

Tổng số tiền là 8.455.281.170 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, một trăm bảy mươi đồng).

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp Phòng Công tác Sinh viên để chi trả tiền học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2023-2024 cho sinh viên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Công tác Sinh viên; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản lý Đào tạo; Khoa quản lý sinh viên và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các PHT (để biết);
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hòa NX (03).

HIỆU TRƯỞNG

***Đinh Văn Châu**

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP ĐIỀU KIỆN VÀ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN
HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số 304/QĐ-ĐHDL, ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

TT	Khoa	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
				Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
1	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.34 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBTL ≥ 2.9	9		0
2	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 87	3	Điểm TBC ≥ 3.0 Điểm RL ≥ 86	5
3	Khoa Xây dựng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D15	Điểm TBC ≥ 3.84 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.35 Điểm RL ≥ 92	3		0
4	Khoa Điện tử Viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D15	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.25 Điểm RL ≥ 71	3
5	Khoa Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D15	Điểm TBC ≥ 3.60 Điểm RL ≥ 91	14	Điểm TBC ≥ 3.5 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBTL ≥ 3.41	22		0
6	Khoa Điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.24 Điểm RL ≥ 80	25		0
7	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.57 Điểm RL ≥ 81	2		0
8	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.44 Điểm RL ≥ 81	3		0
9	Khoa Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	D15	Điểm TBC ≥ 3.67 Điểm RL ≥ 92	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.17	27		0
10	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kế toán	D15	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 95	9	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.30	8		0
11	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kiểm toán	D15	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 95	5	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.69	2		0
12	Khoa Công nghệ năng lượng	Kỹ thuật nhiệt	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.33 Điểm RL ≥ 81	15		0
13	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 81	8		0
14	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý công nghiệp	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.29 Điểm RL ≥ 81	5		0
15	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý năng lượng	D15	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 81	1		0
16	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D15	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	9	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.5	2		0
17	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị kinh doanh	D15	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	12	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.1	6		0
18	Khoa Kinh tế và Quản lý	Tài chính – Ngân hàng	D15	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	13	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.5	2		0
19	Khoa Kinh tế và Quản lý	Thương mại điện tử	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.12	3		0
20	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D16	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.35 Điểm RL ≥ 81	18		0
21	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D16	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.33 Điểm RL ≥ 81	12		0
22	Khoa Xây dựng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 81	1	Điểm TBC ≥ 2.73 Điểm RL ≥ 80	5
23	Khoa Điện tử Viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 81	7	Điểm TBC ≥ 2.79 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.59	10
24	Khoa Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 90	2	Điểm TBC ≥ 3.33 Điểm RL ≥ 81	34		0
25	Khoa Điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	10	Điểm TBC ≥ 2.69 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.0	32
26	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	1		0
27	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.32 Điểm RL ≥ 81	1		0
28	Khoa Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	D16	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 90	31	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.77	2		0
29	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kế toán	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.74 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.35	19		0
30	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kiểm toán	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.58 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.26	4		0

TT	Khoa	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
				Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
31	Khoa Công nghệ năng lượng	Kỹ thuật nhiệt	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.25 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.03 Điểm RL ≥ 75	5
32	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D16	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	3	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.34	11		0
33	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý công nghiệp	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	4		0
34	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý năng lượng	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	4		0
35	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	5		0
36	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị kinh doanh	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 80	27	Điểm TBC ≥ 3.17 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.13	4
37	Khoa Kinh tế và Quản lý	Tài chính – Ngân hàng	D16	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	2	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	14		0
38	Khoa Kinh tế và Quản lý	Thương mại điện tử	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.39 Điểm RL ≥ 81	8		0
39	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.37 Điểm RL ≥ 95	5		0
40	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.37 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 2.67	8		0
41	Khoa Xây dựng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.58 Điểm RL ≥ 80	9
42	Khoa Điện tử Viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 81	5	Điểm TBC ≥ 2.82 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.84	16
43	Khoa Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 95	3	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 80	15	Điểm TBC ≥ 2.96 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.03	14
44	Khoa Điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 81	31	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80	6
45	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D17	Điểm TBC ≥ 3.65 Điểm RL ≥ 92	1		0		0
46	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.71 Điểm RL ≥ 79	4
47	Khoa Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	D17	Điểm TBC ≥ 3.6 Điểm RL ≥ 95	10	Điểm TBC ≥ 3.69 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.61	19		0
48	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kế toán	D17	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 90	12	Điểm TBC ≥ 3.67 Điểm RL ≥ 89 Điểm TBCTL ≥ 3.41	2		0
49	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kiểm toán	D17	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 93	6		0		0
50	Khoa Công nghệ năng lượng	Kỹ thuật nhiệt	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.74 Điểm RL ≥ 80	3
51	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.58 Điểm RL ≥ 81	8		0
52	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý công nghiệp	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 80	4	Điểm TBC ≥ 2.89 Điểm RL ≥ 79	4
53	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý năng lượng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.50 Điểm RL ≥ 80	8
54	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 93	6		0
55	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị kinh doanh	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 95	14		0
56	Khoa Kinh tế và Quản lý	Tài chính – Ngân hàng	D17	Điểm TBC ≥ 3.87 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.39 Điểm RL ≥ 90	7		0
57	Khoa Kinh tế và Quản lý	Thương mại điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 98	3	Điểm TBC ≥ 3.71 Điểm RL ≥ 81	3		0
58	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.31 Điểm RL ≥ 81	7		0
59	Khoa Cơ khí và Động lực	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.23 Điểm RL ≥ 81	6	Điểm TBC ≥ 3.0 Điểm RL ≥ 80	5
60	Khoa Xây dựng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D18		0		0	Điểm TBC ≥ 2.63 Điểm RL ≥ 80	7
61	Khoa Điện tử Viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D18	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.37 Điểm RL ≥ 87	17		0
62	Khoa Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D18	Điểm TBC ≥ 3.78 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.38	29		0
63	Khoa Điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.31 Điểm RL ≥ 81	25		0
64	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D18		0		0	Điểm TBC ≥ 2.81 Điểm RL ≥ 80	1
65	Khoa Công nghệ năng lượng	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.24 Điểm RL ≥ 80	1	Điểm TBC ≥ 2.58 Điểm RL ≥ 65	6
66	Khoa Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	D18	Điểm TBC ≥ 3.62 Điểm RL ≥ 92	8	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 90	23		0

TT	Khoa	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
				Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
67	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kế toán	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.23 Điểm RL ≥ 81	12	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80	4
68	Khoa Kinh tế và Quản lý	Kiểm toán	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.27 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.5	1
69	Khoa Công nghệ năng lượng	Kỹ thuật nhiệt	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.29 Điểm RL ≥ 81	3	Điểm TBC ≥ 2.74 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.50	7
70	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D18	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	2	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 90	15		0
71	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý công nghiệp	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	3	Điểm TBC ≥ 2.63 Điểm RL ≥ 80	10
72	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Quản lý năng lượng	D18	Điểm TBC ≥ 3.69 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.59 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 2.59 Điểm RL ≥ 75	2
73	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 81	7		0
74	Khoa Kinh tế và Quản lý	Quản trị kinh doanh	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.57 Điểm RL ≥ 81	16		0
75	Khoa Kinh tế và Quản lý	Tài chính – Ngân hàng	D18	Điểm TBC ≥ 3.82 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 81	9		0
76	Khoa Kinh tế và Quản lý	Thương mại điện tử	D18	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	5	Điểm TBC ≥ 3.86 Điểm RL ≥ 81	2		0
Tổng					189		643		171

Ghi chú:

Điểm TBC : Trung bình học tập kỳ xét học bổng

Điểm RL: Điểm rèn luyện kỳ xét học bổng

Điểm TBCTL: Trung bình chung tích lũy

Điểm TBC RL : Trung bình trung rèn luyện

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Xuân Hòa

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHDL, ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
1	20810620052	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	13/12/2002	D15CODY3	3,94	87		Giỏi	8.676.800
2	20810620033	ĐÀO VĂN LONG	20/12/2002	D15CODY3	3,78	81		Giỏi	8.676.800
3	20810620087	LÊ ĐÌNH HÙNG	17/10/2002	D15CODY2	3,56	92		Giỏi	8.676.800
4	20810620038	PHẠM MẠNH TÂN	10/04/2001	D15CODY1	3,53	81		Giỏi	8.676.800
5	20810620018	NGUYỄN BẢO NGỌC	29/7/2002	D15CODY1	3,5	87		Giỏi	8.676.800
6	20810620070	NGUYỄN VĂN HÙNG	19/08/2002	D15CODY3	3,5	81		Giỏi	8.676.800
7	20810620057	PHẠM NGỌC KIỆM	10/11/2002	D15CODY1	3,47	81		Giỏi	8.676.800
8	20810620020	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	26/08/2002	D15CODY1	3,38	80		Giỏi	8.676.800
9	20810620029	LÊ VĂN TÀI	06/12/2002	D15CODY1	3,34	80	2,9	Giỏi	8.676.800
10	20810000080	ĐÀM CÔNG Ý	03/9/2002	D15CKCTM	3,5	87		Giỏi	9.252.100
11	20810610256	TRẦN VĂN PHONG	26/05/2002	D15CKOTO2	3,24	87		Giỏi	9.780.100
12	20810000100	PHẠM VĂN HÙNG	15/11/2002	D15CKCTM	3,21	87		Giỏi	9.252.100
13	20810610017	NGUYỄN TIẾN MẠNH	19/10/2002	D15CKOTO1	3,18	86		Khá	8.891.000
14	20810000091	DƯƠNG HỒNG PHÚC	22/01/2002	D15CKCTM	3,15	86		Khá	8.411.000
15	20810610259	NGUYỄN BÀ PHƯƠNG NAM	25/12/2002	D15CKOTO1	3,15	86		Khá	8.891.000
16	20810000237	LÊ THANH HẢI	23/05/2001	D15CKOTO2	3,03	91		Khá	8.891.000
17	20810610035	PHÙNG TIẾN DŨNG	23/12/2002	D15CKOTO1	3	86		Khá	8.891.000
18	20810630075	NGUYỄN VĂN NAM	06/11/2002	D15XDDD&CN	3,84	92		Xuất sắc	11.924.400
19	20810630055	NGUYỄN QUANG HIỀU	14/10/2002	D15XDDD&CN	3,95	87		Giỏi	10.930.700
20	20810630076	VŨ VĂN QUÂN	12/07/2002	D15XDDD&CN	3,53	81		Giỏi	10.930.700
21	20810630014	TRẦN HỒNG PHÚC	21/07/2002	D15CODCT	3,35	92		Giỏi	10.930.700
22	20810510100	TRƯƠNG DUY HẢI	28/01/1994	D15DT&KTMT	3,92	95		Xuất sắc	11.348.400
23	20810540044	TRẦN THỊ THẢO	17/11/1996	D15DTVT	3,78	95		Xuất sắc	10.720.800
24	20810540058	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	06/09/2002	D15DTVT	3,61	95		Xuất sắc	10.720.800
25	20810510120	NGUYỄN TUẤN ANH	26/05/2002	D15DT&KTMT	3,61	90		Xuất sắc	11.348.400
26	20810540015	NGUYỄN THÀNH CÔNG	21/4/2000	D15DT&KTMT	3,45	95		Giỏi	10.402.700
27	20810510094	NGUYỄN PHI TRỌNG	19/06/2002	D15DT&KTMT	3,39	95		Giỏi	10.402.700
28	20810510088	ĐÌNH QUANG HÀ	20/01/2002	D15DTVT	3,31	81		Giỏi	9.827.400
29	20810000254	PHẠM QUANG SỰ	01/06/2002	D15DTVT	3,28	81		Giỏi	9.827.400
30	20810000286	PHẠM VĂN SƠN HẢI	02/06/2002	D15DT&KTMT	3,76	71		Khá	9.457.000
31	20810540330	NGUYỄN VĂN NHẬT	05/11/2002	D15DT&KTMT	3,45	71		Khá	9.457.000
32	20810000263	NGUYỄN TIẾN HIỆP	10/04/2002	D15DT&KTMT	3,25	71		Khá	9.457.000
33	20810160507	NGUYỄN XUÂN CHỨC	06/11/2002	D15H2	4	95		Xuất sắc	10.669.200
34	20810170361	LÊ VĂN ĐIỂN	11/08/2001	D15TDHHTD1	4	95		Xuất sắc	10.041.600
35	20810160520	HỒ THỊ HƯƠNG GIANG	25/03/2002	D15H6	4	93		Xuất sắc	10.669.200
36	20810170410	NGUYỄN TRỌNG HIỀU	07/06/2002	D15H6	4	90		Xuất sắc	10.669.200
37	20810160505	KIM NGỌC BẢO	11/08/2002	D15H2	3,91	90		Xuất sắc	10.669.200
38	20810160491	ĐÀO KHÁNH DUY	03/02/2002	D15H5	3,85	90		Xuất sắc	10.669.200
39	20810420078	MAI QUANG HÙNG	03/03/2002	D15H5	3,8	90		Xuất sắc	12.847.200
40	20810420107	HOÀNG TIẾN MẠNH	22/04/2002	D15H5	3,68	96		Xuất sắc	10.669.200
41	20810110170	THÁI XUÂN VIỆT	29/5/2002	D15H1	3,67	95		Xuất sắc	10.669.200
42	20810160455	LƯU HỮU HUY	08/12/2002	D15DCN&DD2	3,67	93		Xuất sắc	9.414.000
43	20810160570	NGUYỄN VĂN ĐỨC	20/02/2001	D15DCN&DD2	3,67	91		Xuất sắc	9.414.000
44	20810110155	PHÙNG ANH TUẤN	06/6/2002	D15H1	3,65	95		Xuất sắc	10.669.200
45	20810110180	ĐỖ XUÂN HÀ	07/08/2002	D15H1	3,65	90		Xuất sắc	10.669.200
46	20810160500	ĐỖ ĐỨC KHÁNH	16/03/2002	D15DCN&DD2	3,6	91		Xuất sắc	9.414.000
47	20810420038	VI THU HUỖN	01/11/2002	D15H4	4	81		Giỏi	9.780.100
48	20810420004	NGUYỄN DUY KHÁNH	27/6/2002	D15H4	3,94	82		Giỏi	9.780.100
49	20810160532	VŨ CHIẾN THẮNG	30/04/2002	D15H2	3,91	87		Giỏi	9.780.100
50	20810420080	LƯƠNG VĂN BÌNH	09/9/2001	D15H5	3,91	81		Giỏi	9.780.100
51	20810420113	LÊ TIẾN ĐỨC	12/11/2002	D15H5	3,82	81		Giỏi	9.780.100
52	20810110302	NGUYỄN VĂN LONG	20/08/2002	D15H3	3,76	82		Giỏi	9.780.100
53	20810420006	VŨ ĐỨC HÀ	10/9/2001	D15H4	3,71	81		Giỏi	9.780.100
54	20810110225	NGUYỄN NHƯ NAM	09/10/2002	D15DCN&DD1	3,67	84		Giỏi	8.629.500
55	20810170305	TRẦN CÔNG TUYÊN	21/01/2002	D15TDHHTD2	3,66	87		Giỏi	9.204.800
56	20810420037	NGUYỄN LÊ KHÁNH HÒA	15/5/2002	D15TDHHTD1	3,65	81		Giỏi	9.204.800
57	20810420019	LÊ MINH ÁNH	19/7/2002	D15H4	3,65	81		Giỏi	9.780.100
58	20810420025	PHẠM KHÁNH LINH	25/10/2002	D15H4	3,62	81		Giỏi	9.780.100
59	20810160531	ĐỖ TRUNG HIỀU	23/06/2002	D15H6	3,59	95		Giỏi	9.780.100
60	20810110265	LÊ ĐÌNH PHƯƠNG	27/12/2002	D15H3	3,59	81		Giỏi	9.780.100
61	20810110286	NGUYỄN TRUNG HIỀU	14/09/2002	D15H3	3,56	98		Giỏi	9.780.100
62	20810420002	NGUYỄN TUẤN ANH	13/10/2002	D15H4	3,56	81		Giỏi	9.780.100
63	20810110262	NGUYỄN VĂN THÁI	21/10/2002	D15TDHHTD1	3,56	81		Giỏi	9.204.800
64	20810160459	VŨ VĂN NINH	12/04/2002	D15TDHHTD2	3,53	81		Giỏi	9.204.800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
65	20810160460	PHÙNG QUANG MINH	26/03/2002	D15H6	3,53	81		Giỏi	9.780.100
66	20810160424	ĐỖ ĐĂNG QUANG	31/03/2002	D15DCN&DD2	3,53	81		Giỏi	8.629.500
67	20810420110	NGUYỄN NGỌC NHI	23/9/2002	D15H5	3,5	90		Giỏi	9.780.100
68	20810420039	PHẠM BÙI QUỲNH ANH	28/6/2002	D15H4	3,5	81	3,41	Giỏi	9.780.100
69	20810430417	NGUYỄN HUỲNH TIẾN AN	25/07/2002	D15THDK&TDH	3,73	82		Giỏi	10.978.000
70	20810410107	PHAN VĂN THANH	28/7/2002	D15TDH&DKTBCN2	3,66	81		Giỏi	9.780.100
71	20810410074	NGUYỄN VĂN LỢI	03/01/2002	D15THDK&TDH	3,5	95		Giỏi	9.780.100
72	20810430382	LÊ ĐÌNH ANH	05/05/2002	D15TDH&DKTBCN4	3,5	82		Giỏi	9.780.100
73	20810430208	NGUYỄN THÀNH SƠN	08/08/2002	D15TDH&DKTBCN4	3,5	81		Giỏi	9.780.100
74	20810410118	NGUYỄN NGỌC QUÂN	01/12/2002	D15TDH&DKTBCN2	3,47	82		Giỏi	9.780.100
75	20810410094	NGUYỄN QUANG LINH	09/8/2002	D15TDH&DKTBCN2	3,44	82		Giỏi	9.780.100
76	20810430320	NGUYỄN VĂN NAM	06/08/2001	D15TDH&DKTBCN2	3,44	82		Giỏi	9.780.100
77	20810430363	MA KHÁNH TÙNG	16/05/2002	D15THDK&TDH	3,44	82		Giỏi	9.780.100
78	20810430375	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	28/01/2002	D15TDH&DKTBCN4	3,41	81		Giỏi	10.978.000
79	20810430384	NGUYỄN PHI TRƯỞNG	20/09/2001	D15CNKTDK	3,38	81		Giỏi	9.780.100
80	20810430279	BÙI VĂN HOÀNG	29/12/2002	D15TDH&DKTBCN5	3,38	81		Giỏi	9.780.100
81	20810430149	MAI ĐĂNG TUẤN	24/02/2002	D15CNKTDK	3,35	81		Giỏi	9.780.100
82	20810430151	LÊ PHÚC THỊNH	16/07/2002	D15THDK&TDH	3,35	81		Giỏi	9.780.100
83	20810430253	GIÁP XUÂN THƯỜNG	01/06/2000	D15TDH&DKTBCN5	3,32	81		Giỏi	9.780.100
84	20810410016	PHẠM QUANG DŨNG	12/3/2002	D15TDH&DKTBCN1	3,32	80		Giỏi	9.780.100
85	20810430211	TRIỆU QUỐC KHÁNH	02/08/2002	D15TDH&DKTBCN4	3,29	82		Giỏi	9.780.100
86	20810410119	NGUYỄN VĂN NINH	03/7/2002	D15TDH&DKTBCN2	3,29	81		Giỏi	9.780.100
87	20810430298	PHẠM VIỆT HOÀNG	19/11/2002	D15TDH&DKTBCN5	3,29	81		Giỏi	9.780.100
88	20810430386	KHUẤT ĐÌNH TÙNG	12/02/2002	D15TDH&DKTBCN5	3,26	81		Giỏi	9.780.100
89	20810410101	ĐỖ VĂN TÙNG	19/01/2000	D15TDH&DKTBCN2	3,26	81		Giỏi	9.780.100
90	20810430189	LÊ QUỐC VIỆT	30/09/2002	D15CNKTDK	3,24	81		Giỏi	9.780.100
91	20810430252	PHẠM CÔNG HUY DU	09/07/2002	D15TDH&DKTBCN5	3,24	81		Giỏi	9.780.100
92	20810430167	ĐẶNG THÁI ANH	13/04/2002	D15THDK&TDH	3,24	81		Giỏi	9.780.100
93	20810430368	NGUYỄN HUY HIỆP	27/02/2002	D15TDH&DKTBCN4	3,24	80		Giỏi	9.780.100
94	20810000377	NGUYỄN THỊ AN	18/08/2002	D15QLMTCN	3,61	81		Giỏi	10.355.400
95	20810000406	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/10/2002	D15QLMTCN	3,57	81		Giỏi	10.355.400
96	20810000450	NGUYỄN NGỌC TÚ	21/08/2002	D15NLTT	3,78	81		Giỏi	10.355.400
97	20810000365	MẠC THỊ ANH NGUYỆT	02/12/2002	D15NLTT	3,72	81		Giỏi	10.355.400
98	20810000444	NGUYỄN ANH TUẤN	12/01/2002	D15NLTT	3,44	81		Giỏi	10.355.400
99	20810310388	BÙI THỊ LAN EM	20/11/2002	D15HTTMDT1	4	95		Xuất sắc	7.531.200
100	20810310456	NGUYỄN TIẾN THỂ	04/06/2002	D15QTANM	4	92		Xuất sắc	7.531.200
101	20810310035	LÊ HOÀI PHƯƠNG	05/9/2001	D15HTTMDT1	4	92		Xuất sắc	7.531.200
102	20810320116	PHẠM TRUNG HIẾU	15/05/2002	D15CNPM7	4	90		Xuất sắc	7.531.200
103	20810340235	HÀN NGỌC ANH	09/08/2002	D15HTTMDT2	3,83	95		Xuất sắc	7.531.200
104	20810340257	TRẦN THUY TRANG	05/09/2002	D15HTTMDT2	3,83	95		Xuất sắc	7.531.200
105	20810340251	LÊ THIÊN HẠNH CHI	16/04/2002	D15HTTMDT2	3,67	92		Xuất sắc	7.531.200
106	20810310042	TRẦN HỮU CHÂU MINH	10/9/1997	D15CNPM1	4	81		Giỏi	8.629.500
107	20810320119	VŨ THỊ LINH	19/01/2002	D15TTNT&TGMT	4	81		Giỏi	6.903.600
108	20810340160	NGUYỄN DUY NAM	06/06/2002	D15CNPM3	4	81		Giỏi	6.903.600
109	20810310074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	10/3/1999	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
110	20810310555	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	24/06/2002	D15HTTMDT1	4	81		Giỏi	6.903.600
111	20810310298	PHAN TIẾN HUY	21/09/2002	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
112	20810310264	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	14/12/2002	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
113	20810320107	ĐỖ ĐĂNG TÙNG	06/10/2002	D15CNPM7	4	81		Giỏi	6.903.600
114	20810310331	NGUYỄN HỮU HUÂN	17/11/2002	D15CNPM3	4	81		Giỏi	6.903.600
115	20810310071	NGUYỄN DUY ANH	26/12/1998	D15HTTMDT1	4	81		Giỏi	6.903.600
116	20810310471	HOÀNG THỊ HỒNG HÀ	22/06/2002	D15CNPM5	4	81		Giỏi	6.903.600
117	20810310282	NGÔ ANH ĐỨC	18/07/2002	D15HTTMDT2	4	81		Giỏi	6.903.600
118	20810310272	CHU MINH NAM	07/02/2002	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
119	20810320082	LÊ TRỌNG VĂN	15/11/1999	D15QTANM	4	81		Giỏi	6.903.600
120	20810310274	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	12/07/2002	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
121	20810310044	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	19/3/2002	D15HTTMDT1	4	81		Giỏi	6.903.600
122	20810310300	NGUYỄN VĂN HẢI	16/12/2001	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
123	20810340188	NGUYỄN THÀNH LONG	15/01/2002	D15CNPM2	4	81		Giỏi	6.903.600
124	20810340167	TRẦN LÊ ANH VŨ	02/06/2002	D15CNPM4	4	81		Giỏi	6.903.600
125	20810310472	NGÔ PHÚ HÙNG	09/07/2002	D15QTANM	4	81		Giỏi	6.903.600
126	20810310347	NGUYỄN MẠNH HÙNG	29/01/2002	D15TTNT&TGMT	4	81		Giỏi	6.903.600
127	20810310342	NGUYỄN THỊ THUY GIANG	03/04/2002	D15CNPM3	4	81		Giỏi	6.903.600
128	20810310432	ĐẬU HOÀNG NAM	15/11/2002	D15QTANM	4	81		Giỏi	6.903.600
129	20810340169	LÊ CHÍ HIẾN	05/10/2002	D15CNPM6	4	81		Giỏi	6.903.600
130	20810310479	NGUYỄN TÙNG LÂM	28/09/2002	D15CNPM5	4	81		Giỏi	6.903.600
131	20810310480	HÀ THỊ KIỀU ANH	19/08/2002	D15CNPM5	4	81		Giỏi	6.903.600
132	20810310073	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	01/01/2002	D15CNPM6	4	81	3,17	Giỏi	6.903.600

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
133	20810810065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	12/05/2002	D15KTDN2	4	98		Xuất sắc	7.240.800
134	20810810138	NGUYỄN NGỌC DIỆP	27/02/2002	D15KT&KS	4	95		Xuất sắc	7.240.800
135	20810810018	HỒ THU YẾN NHI	25/5/2002	D15KTDN1	4	92		Xuất sắc	7.240.800
136	20810830232	PHAN UYÊN LINH	08/03/2002	D15KTDN3	4	92		Xuất sắc	7.240.800
137	20810830193	HOÀNG XUÂN SƠN	15/11/2002	D15KTDN3	4	92		Xuất sắc	7.240.800
138	20810830206	NGUYỄN TRUNG HIẾU	13/12/2002	D15KTDN3	4	92		Xuất sắc	7.240.800
139	20810810071	NGUYỄN THỊ NAM PHƯƠNG	15/07/2002	D15KTDN2	4	90		Xuất sắc	7.240.800
140	20810810067	NGUYỄN PHẠM HUYỀN MY	26/10/2002	D15KTDN2	3,94	90		Xuất sắc	7.240.800
141	20810810099	HOÀNG HIỀN TRANG	22/05/2002	D15KTDN2	3,75	95		Xuất sắc	7.240.800
142	20810830214	BÙI VĂN ANH	11/06/2002	D15KTDN3	4	87		Giỏi	6.637.400
143	20810810103	CAO THỊ THÚY	15/08/2001	D15KTDN2	4	87		Giỏi	6.637.400
144	20810810050	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/11/2002	D15KTDN1	4	87		Giỏi	6.637.400
145	20810810171	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	14/02/2002	D15KTDN2	4	87		Giỏi	6.637.400
146	20810810051	DƯƠNG THÙY LINH	16/10/2002	D15KTDN1	4	87		Giỏi	6.637.400
147	20810810003	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	20/5/2001	D15KTDN1	4	87		Giỏi	6.207.542
148	20810810129	NGUYỄN ĐIỀU LINH	05/01/2002	D15KTDN2	4	87		Giỏi	6.637.400
149	20810810136	NGUYỄN ÍCH HẠ	06/07/2002	D15KTDN2	4	87	3,3	Giỏi	6.637.400
150	20810850089	NGUYỄN HÀ THU	07/11/2002	D15KIEMTOAN2	4	98		Xuất sắc	7.240.800
151	20810850092	NGUYỄN GIA KHIÊM	01/08/2002	D15KIEMTOAN2	4	98		Xuất sắc	7.240.800
152	20810850036	LƯU QUỲNH DUYẾN	03/11/2002	D15KIEMTOAN1	4	95		Xuất sắc	7.240.800
153	20810850067	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	09/7/2002	D15KIEMTOAN2	4	95		Xuất sắc	7.240.800
154	20810850060	NGUYỄN THỊ HÀ LIÊN	29/03/2002	D15KIEMTOAN1	4	95		Xuất sắc	7.240.800
155	20810850054	ĐÀO THANH HIỀN	01/12/2002	D15KIEMTOAN1	4	87		Giỏi	6.637.400
156	20810850031	NGUYỄN THANH HUYỀN	20/12/2002	D15KIEMTOAN1	4	87	3,69	Giỏi	6.637.400
157	20819110070	NGUYỄN ĐĂNG HUỖNH	26/06/2002	D15NHIETDIEN	3,79	81		Giỏi	11.377.300
158	20819110084	HOÀNG TRUNG HIẾU	17/09/2002	D15DIENLANH2	3,78	81		Giỏi	10.450.000
159	20819110015	TRẦN XUÂN QUANG	19/9/2002	D15NHIETCN	3,62	81		Giỏi	11.377.300
160	20819110085	LƯU THÈ QUÂN	06/03/2002	D15DIENLANH2	3,58	81		Giỏi	10.450.000
161	20819120032	NGUYỄN VĂN BÌNH	20/06/2001	D15NHIETDIEN	3,57	81		Giỏi	11.377.300
162	20819110072	CHU BÁ HUY	15/06/2002	D15DIENLANH2	3,55	81		Giỏi	10.450.000
163	20819110139	VŨ VĂN TRUNG	19/02/2002	D15DIENLANH2	3,53	81		Giỏi	10.450.000
164	20819110100	LÊ VĂN ĐỨC	16/07/2002	D15DIENLANH1	3,45	81		Giỏi	10.450.000
165	20819120051	TRẦN DUY KHÁNH	14/08/2002	D15DIENLANH1	3,45	81		Giỏi	10.450.000
166	20819120007	NGUYỄN QUANG MINH	09/7/2002	D15DIENLANH1	3,4	81		Giỏi	10.450.000
167	20819120022	TRẦN QUỐC HUY	29/11/2002	D15NHIETDIEN	3,38	81		Giỏi	11.377.300
168	20819110082	LÊ NGỌC HOÀNH	08/01/2002	D15DIENLANH2	3,37	81		Giỏi	10.450.000
169	20819110127	HOÀNG TRUNG KIẾN	28/04/2002	D15DIENLANH2	3,35	81		Giỏi	10.450.000
170	20819110113	TẠ QUỐC DUY	04/08/2002	D15DIENLANH2	3,33	81		Giỏi	10.450.000
171	20819110073	NGÔ ĐỨC TRUNG	13/03/2002	D15DIENLANH2	3,33	81		Giỏi	10.450.000
172	20810230036	TRẦN LÊ HƯƠNG GIANG	16/08/2002	D15LOGISTICS1	3,56	81		Giỏi	9.577.700
173	20810230139	NGUYỄN ANH QUÂN	14/06/2002	D15LOGISTICS3	3,55	81		Giỏi	18.276.500
174	20810230065	PHÙNG THỊ THÙY DUNG	07/07/2002	D15LOGISTICS2	3,38	81		Giỏi	9.577.700
175	20810230050	TRẦN HOÀI ANH	09/02/2002	D15LOGISTICS1	3,35	81		Giỏi	9.577.700
176	20810230093	NGUYỄN TRUNG HIẾU	25/01/2002	D15LOGISTICS3	3,29	81		Giỏi	18.276.500
177	20810230138	TRẦN XUÂN HOÀNG	02/12/2002	D15LOGISTICS3	3,29	81		Giỏi	9.577.700
178	20810230076	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	16/07/2002	D15LOGISTICS2	3,24	81		Giỏi	9.577.700
179	20810230123	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	07/02/2002	D15LOGISTICS3	3,21	81		Giỏi	9.577.700
180	20810000458	NGUYỄN THỊ HỒNG	27/7/2001	D15QLSX&TN	3,61	82		Giỏi	10.930.700
181	20810000500	NGUYỄN THỊ LÀNH	12/08/2002	D15QLDT&KH	3,55	81		Giỏi	10.930.700
182	20810000392	NGUYỄN XUÂN KIỀU OANH	6/10/2002	D15QLDT&KH	3,53	81		Giỏi	10.930.700
183	20810000510	MAI THỊ PHƯỢNG	03/09/2002	D15QLSX&TN	3,42	81		Giỏi	10.930.700
184	20810000516	VŨ NHƯ QUANG	04/03/2002	D15QLSX&TN	3,29	81		Giỏi	10.930.700
185	20810000454	PHẠM THỊ KHÁNH HIỀN	30/11/2002	D15KTNL	3,63	90		Xuất sắc	11.924.400
186	20810000437	LÃ MẠNH DŨNG	05/05/2002	D15KTNL	3,63	81		Giỏi	10.930.700
187	20810000353	PHÙNG MINH NHẬT	28/11/2002	D15QTDVDL&LH1	4	95		Xuất sắc	7.240.800
188	20810000490	ĐỖ THỊ THANH LOAN	24/10/2002	D15QTDVDL&LH2	4	95		Xuất sắc	7.240.800
189	20810000029	KIỀU THỊ HỒNG NHUNG	25/11/2002	D15QTDVDL&LH1	4	93		Xuất sắc	7.240.800
190	20810000350	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	23/09/2002	D15QTDVDL&LH2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
191	20810000133	KHƯƠNG THỊ LÀNH	17/06/2002	D15QTDVDL&LH1	4	92		Xuất sắc	7.240.800
192	20810000015	HOÀNG TRUNG KIẾN	14/10/2001	D15QTDVDL&LH2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
193	20810000384	NGUYỄN THU ĐIẾP	30/03/2002	D15QTDVDL&LH1	4	90		Xuất sắc	7.240.800
194	20810000438	LÊ THU QUỲNH	12/05/2002	D15QTDVDL&LH2	3,64	95		Xuất sắc	7.240.800
195	20810000366	NGUYỄN MINH ANH	06/04/2002	D15QTDVDL&LH1	3,64	92		Xuất sắc	7.240.800
196	20810000363	NGUYỄN HỒNG VĂN	26/04/2002	D15QTDVDL&LH2	4	87		Giỏi	6.637.400
197	20810000398	NGUYỄN THỊ THANH VY	07/08/2002	D15QTDVDL&LH1	4	87	3,5	Giỏi	6.637.400
198	20810710066	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	07/8/2001	D15QTDN1	4	95		Xuất sắc	7.240.800
199	20810710166	NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC	20/06/2002	D15QTDN2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
200	20810710171	NGUYỄN THU HUYỀN	30/11/2002	D15QTDN5	4	92		Xuất sắc	7.240.800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
201	20810710165	LÊ ĐỨC MẠNH	03/11/2002	D15QTDN2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
202	20810720033	ĐÌNH TIẾN ANH	04/10/2002	D15QTDLKS	4	92		Xuất sắc	7.240.800
203	20810710126	VŨ THỊ LINH NHÂM	05/06/2002	D15QTDN2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
204	20810720280	PHẠM THANH THẢO	10/05/2002	D15QTDN4	4	92		Xuất sắc	7.240.800
205	20810710269	PHẠM THỊ THANH XUÂN	05/11/2002	D15QTDN3	3,86	95		Xuất sắc	7.240.800
206	20810710067	MA KIẾN HUÂN	01/8/2002	D15QTDN1	3,86	95		Xuất sắc	7.240.800
207	20810710237	PHAN THU HƯƠNG	27/05/2002	D15QTDN3	3,86	92		Xuất sắc	7.240.800
208	20810710210	LÊ THỊ THÚY	09/03/2002	D15QTDLKS	3,64	95		Xuất sắc	7.240.800
209	20810720061	NGUYỄN THỊ CHI MAI	25/01/2002	D15QTDN4	3,64	92		Xuất sắc	7.240.800
210	20810000307	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	17/06/2002	D15QTDN4	4	87		Giỏi	6.637.400
211	20810710223	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	08/05/2002	D15QTDN3	4	87		Giỏi	6.637.400
212	20810710225	NGUYỄN MAI ANH	07/11/2002	D15QTDN3	4	87		Giỏi	6.637.400
213	20810710218	NGUYỄN VĂN OANH	29/10/2002	D15QTDN3	4	87		Giỏi	6.637.400
214	20810710288	TRẦN QUỲNH ANH	28/09/2002	D15QTDN5	4	87	3,1	Giỏi	6.637.400
215	20810710235	DƯƠNG TRẢ MY	01/11/2002	D15QTDN5	4	87	3,1	Giỏi	6.637.400
216	20810820059	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/02/2002	D15TCDN1	4	95		Xuất sắc	6.771.864
217	20810820003	TRƯƠNG NGUYỆT LINH	12/9/2002	D15TCDN1	4	95		Xuất sắc	6.771.864
218	20810820126	LÊ KHÁNH NGỌC	19/08/2002	D15TCDN2	4	95		Xuất sắc	7.240.800
219	20810820017	NGUYỄN MINH QUÂN	23/6/2002	D15NGANHANG	4	95		Xuất sắc	7.240.800
220	20810820129	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/06/2002	D15TCDN2	4	95		Xuất sắc	7.240.800
221	20810820125	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	07/01/2002	D15TCDN2	4	93		Xuất sắc	7.240.800
222	20810820120	VŨ THỊ THANH TUYỀN	27/11/2002	D15TCDN2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
223	20810820056	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	19/6/2002	D15TCDN1	4	92		Xuất sắc	7.240.800
224	20810840033	LÊ NGỌC MAI	01/10/2001	D15NGANHANG	4	92		Xuất sắc	7.240.800
225	20810840006	PHẠM ANH HẢO	27/01/2002	D15NGANHANG	4	92		Xuất sắc	7.240.800
226	20810820081	NGUYỄN QUANG GIA TƯỜNG	28/10/2002	D15NGANHANG	4	90		Xuất sắc	7.240.800
227	20810840012	LÊ MINH HOÀNG	23/02/2000	D15NGANHANG	4	90		Xuất sắc	7.240.800
228	20810820065	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	11/6/2001	D15TCDN1	3,64	92		Xuất sắc	7.240.800
229	20810820083	NGUYỄN VĂN DOANH	11/07/2002	D15NGANHANG	4	87		Giỏi	6.637.400
230	20810820053	NGUYỄN ĐÌNH DUY MINH	20/09/2002	D15TCDN1	4	87	3,5	Giỏi	6.637.400
231	20810000115	VŨ HỒNG THẨM	19/08/2002	D15KDTMTT2	4	98		Xuất sắc	7.240.800
232	20810000187	NGUYỄN VĂN HUY	24/10/2002	D15KDTMTT2	4	98		Xuất sắc	7.240.800
233	20810000004	NGUYỄN VĂN HUÂN	27/3/2002	D15KDTMTT2	4	93		Xuất sắc	7.240.800
234	20810000135	TẠ THỊ HƯƠNG	15/02/2002	D15KDTMTT2	4	93		Xuất sắc	7.240.800
235	20810000175	BÙI THỊ MAI ANH	25/10/2002	D15KDTMTT2	4	92		Xuất sắc	7.240.800
236	20810000020	PHAN HOÀNG HIỆP	04/5/2002	D15KDTMTT1	4	92		Xuất sắc	7.240.800
237	20810000146	NGUYỄN THỊ THẨM	12/09/2002	D15KDTMTT1	4	90		Xuất sắc	7.240.800
238	20810000085	DƯƠNG THỊ DUYỀN	09/08/2002	D15KDTMTT2	4	87		Giỏi	6.637.400
239	20810000344	NGÔ THANH HOÀI	13/09/2002	D15KDTMTT2	4	87		Giỏi	6.637.400
240	20810000162	ĐỖ THỊ THU HÀ	03/12/2002	D15KDTMTT2	4	87	3,12	Giỏi	6.637.400
241	21810620589	NGUYỄN HỮU NGHĨA	10/12/2003	D16CODY5	3,63	92		Xuất sắc	11.400.000
242	21810620379	TRẦN VĂN CHIẾN	05/02/2003	D16CODY3	3,68	87		Giỏi	10.450.000
243	21810620082	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	10/09/2003	D16CODY3	3,68	87		Giỏi	10.450.000
244	21810620384	HOÀNG MẠNH SƠN	10/07/2003	D16CODY1	3,68	81		Giỏi	9.922.000
245	21810620027	LÊ GIÁP TUẤN	08/06/2003	D16CODY1	3,68	81		Giỏi	10.450.000
246	21810620466	NGUYỄN TIẾN DUY	04/06/2003	D16CODY3	3,6	81		Giỏi	10.450.000
247	21810620505	NGUYỄN MINH HIỂU	08/06/2003	D16CODY4	3,55	92		Giỏi	10.450.000
248	21810620585	NGUYỄN VĂN SƠN	02/09/2003	D16CODY5	3,53	87		Giỏi	10.450.000
249	21810620472	KHUẤT VĂN NAM	23/11/2003	D16CODY4	3,53	87		Giỏi	10.450.000
250	21810620016	TRỊNH HÀ THU	06/12/2003	D16CODY1	3,5	92		Giỏi	10.450.000
251	21810620487	VŨ ĐỨC HẢI	18/06/2003	D16CODY4	3,5	81		Giỏi	10.450.000
252	21810620482	PHẠM XUÂN MỸ	18/03/2003	D16CODY4	3,48	92		Giỏi	10.450.000
253	21810620492	NGUYỄN QUỐC DŨNG	28/03/2003	D16CODY4	3,45	92		Giỏi	10.450.000
254	21810620578	NGUYỄN TRẦN TIẾN	28/07/2003	D16CODY5	3,45	81		Giỏi	10.450.000
255	21810620430	NGUYỄN DANH ĐẠT	20/10/2003	D16CODY3	3,4	81		Giỏi	10.450.000
256	21810620435	NGUYỄN THÀNH ANH	11/08/2003	D16CODY3	3,38	87		Giỏi	10.450.000
257	21810620442	NGUYỄN TUẤN ANH	25/03/2003	D16CODY3	3,38	81		Giỏi	10.450.000
258	21810620030	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	11/06/2003	D16CODY1	3,35	81		Giỏi	10.450.000
259	21810620511	NGUYỄN GIA HIỂU	16/11/2003	D16CODY4	3,35	81		Giỏi	10.450.000
260	21810610379	NGUYỄN VĂN LONG	15/09/2003	D16CKCTM	3,75	92		Xuất sắc	11.400.000
261	21810610424	ĐÌNH NGỌC THIÊN	18/08/2003	D16CKCTM	3,9	87		Giỏi	10.450.000
262	21810610055	TÔ BÁ THÀNH	07/04/2003	D16CKCTM	3,78	87		Giỏi	10.450.000
263	21810610485	NGUYỄN MAI KIỀU OANH	22/02/2003	D16CKCTM	3,73	81		Giỏi	10.450.000
264	21810610078	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	28/08/2003	D16CKCTM	3,63	81		Giỏi	10.450.000
265	21810610476	ĐẶNG ĐÌNH TUYẾN	01/01/2003	D16CKCTM	3,61	81		Giỏi	10.450.000
266	21810610021	CHU QUANG TỬ	15/09/2003	D16CKCTM	3,58	81		Giỏi	10.450.000
267	21810610398	VƯƠNG XUÂN THẮNG	03/11/2003	D16CKCTM	3,55	81		Giỏi	10.450.000
268	21810610444	NGUYỄN VĂN NGHĨA	18/02/2003	D16CKCTM	3,5	81		Giỏi	10.450.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
269	21810610403	ĐOÀN VĂN HÙNG	04/05/2003	D16CKCTM	3,48	81		Giỏi	10.450.000
270	21810610494	TÔ NGỌC TRƯỜNG	18/08/2003	D16CKCTM	3,35	81		Giỏi	9.922.000
271	21810610438	LÊ NGUYỄN BIÊN	17/05/2003	D16CKCTM	3,33	87		Giỏi	9.922.000
272	21810610014	NGUYỄN THẾ NGỌC	27/07/2003	D16CKCTM	3,33	81		Giỏi	10.450.000
273	21810650317	LÊ VĂN ĐẠT	09/11/2003	D16XDDD&CN	3,2	81		Giỏi	11.506.000
274	21810630023	PHẠM QUANG THÁI	03/06/2003	D16CODCT	3,07	80		Khá	10.460.000
275	21810650361	DƯƠNG VĂN PHÁT	04/08/2003	D16XDDD&CN	2,85	91		Khá	10.460.000
276	21810640355	NGUYỄN THÀNH LUÂN	08/06/2003	D16QLDA&CTXD	2,75	80		Khá	10.460.000
277	21810670366	TRẦN XUÂN BÌNH	21/11/2003	D16CODCT	2,73	91		Khá	10.460.000
278	21810670304	PHẠM QUỐC TRÌNH	07/07/2003	D16CODCT	2,73	80		Khá	10.460.000
279	21810510033	ĐỖ MẠNH HÀ	14/11/2003	D16DT&KTMT1	3,53	81		Giỏi	9.698.700
280	21810570436	ĐỖ NHẬT LINH	01/01/2003	D16MVT&MT	3,53	81		Giỏi	9.698.700
281	21810510031	PHẠM THỊ HUỠNG	27/05/2003	D16DTVT1	3,42	96		Giỏi	9.698.700
282	21810540484	MẠC ANH KHIÊM	04/07/2003	D16DT&KTMT2	3,42	81		Giỏi	9.698.700
283	21810540470	NGUYỄN HỮU ĐẠT	17/07/2003	D16DT&KTMT2	3,37	95		Giỏi	9.698.700
284	21810510547	PHẠM TRƯỜNG AN	13/07/2003	D16DTVT2	3,21	94		Giỏi	9.698.700
285	21810540514	BÙI VĂN NAM	29/04/2003	D16DT&KTMT2	3,2	81		Giỏi	9.698.700
286	21810530531	BÙI THỊ THU HÀ	25/10/2003	D16TBDTYT	3,07	80		Khá	9.906.000
287	21810570430	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH MINH	02/09/2003	D16MVT&MT	3	80		Khá	8.817.000
288	21810510062	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	17/09/2003	D16MVT&MT	2,97	80		Khá	8.817.000
289	21810510511	DƯƠNG ĐỨC TỬ	27/03/2003	D16DTVT2	2,95	81		Khá	8.817.000
290	21810570523	LÊ HÙNG HẬU	20/11/2003	D16MVT&MT	2,87	80		Khá	8.817.000
291	21810540482	NGHIÊM HOÀNG PHÚC	22/08/2003	D16DT&KTMT2	2,84	86		Khá	8.817.000
292	21810510056	LÊ VĂN HÙNG	03/07/2003	D16HTM&IOT	2,84	80		Khá	8.817.000
293	21810530496	NGUYỄN HÀ GIANG	15/12/2003	D16TBDTYT	2,82	80		Khá	8.817.000
294	21810510463	PHẠM HỒNG SƠN	03/04/2003	D16DTVT2	2,82	80		Khá	8.817.000
295	21810510011	VƯƠNG PHÚ SƠN	03/05/2003	D16HTM&IOT	2,79	80	2,59	Khá	8.817.000
296	21810110007	NGUYỄN QUANG TRỌNG	28/11/2003	D16H1	3,76	96		Xuất sắc	10.669.200
297	21810110516	BÙI QUANG LỘC	04/12/2003	D16H4	3,76	90		Xuất sắc	10.669.200
298	21810110442	DƯƠNG PHÚ DŨNG	16/07/2003	D16H4	3,97	81		Giỏi	9.780.100
299	21810110178	PHAN LÊ HOÀN	09/04/2003	D16TDHHTD2	3,88	81		Giỏi	9.780.100
300	21810170439	PHẠM QUANG VŨ	07/07/2002	D16TDHHTD3	3,82	81		Giỏi	9.780.100
301	21810170296	NGUYỄN NHƯ HUỲNH	18/10/2002	D16TDHHTD2	3,79	81		Giỏi	9.780.100
302	21810110505	LÝ ĐÌNH ĐỘ	12/11/2003	D16H4	3,79	81		Giỏi	9.780.100
303	21810170372	TRINH CHÂU GIANG	28/10/2003	D16TDHHTD2	3,68	81		Giỏi	9.780.100
304	21810110026	LƯU XUÂN HUY	13/09/2002	D16H1	3,65	81		Giỏi	9.780.100
305	21810110143	ĐINH ĐỨC CƯỜNG	05/05/2003	D16TDHHTD2	3,65	81		Giỏi	9.780.100
306	21810110185	TRẦN ĐẠI NGHĨA	21/02/2003	D16TDHHTD2	3,62	81		Giỏi	9.780.100
307	21810110446	ĐỖ TRỌNG ĐỨC	21/06/2003	D16H4	3,62	81		Giỏi	9.780.100
308	21810110490	NGUYỄN TIẾN BÁCH	31/12/2003	D16H4	3,53	96		Giỏi	9.780.100
309	21810110233	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	08/02/2003	D16H2	3,53	81		Giỏi	9.780.100
310	21810170340	LÊ MINH SANG	06/07/2003	D16TDHHTD2	3,53	81		Giỏi	9.780.100
311	21810110151	NGUYỄN VĂN HIẾU	07/07/2003	D16H2	3,53	81		Giỏi	9.780.100
312	21810110069	MAI THỊ BẢO NGỌC	05/01/2003	D16TDHHTD1	3,5	81		Giỏi	9.780.100
313	21810110545	NGUYỄN VĂN HIỆP	18/10/2003	D16H4	3,5	81		Giỏi	9.780.100
314	21810180433	NGUYỄN VĂN HUỠNG	10/08/2003	D16DCN&DD2	3,47	90		Giỏi	9.780.100
315	21810110005	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	28/09/2003	D16H1	3,47	82		Giỏi	9.780.100
316	21810170218	CHU HOÀNG ANH	26/11/2000	D16TDHHTD1	3,47	81		Giỏi	9.780.100
317	21810180351	DƯƠNG CHU ĐẠT	23/11/2003	D16DCN&DD2	3,47	81		Giỏi	9.780.100
318	21810110161	PHẠM MINH HIẾU	04/11/2003	D16TDHHTD2	3,47	81		Giỏi	9.252.100
319	21810110193	TRẦN VĂN THIÊN	27/10/2003	D16DCN&DD2	3,44	81		Giỏi	9.780.100
320	21810110209	NGUYỄN NGỌC TÙNG	26/10/2002	D16DCN&DD2	3,44	81		Giỏi	9.780.100
321	21810110485	VŨ VIỆT ĐẠT	03/04/2003	D16H4	3,44	81		Giỏi	9.780.100
322	21810110424	ĐẶNG NHẬT LONG	04/11/2003	D16H3	3,44	81		Giỏi	9.780.100
323	21810180514	PHẠM CHIẾN HÀ	01/10/2003	D16DCN&DD2	3,43	80		Giỏi	8.054.200
324	21810110015	NGUYỄN ĐỖ HUỲNH TRANG	08/10/2003	D16H1	3,41	95		Giỏi	9.780.100
325	21810180249	ĐỖ MẠNH HUY	03/06/2003	D16DCN&DD1	3,41	81		Giỏi	9.780.100
326	21810110455	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	27/07/2003	D16H4	3,41	81		Giỏi	9.780.100
327	21810170440	HỒ NGHĨA HOÀNG	02/11/2003	D16TDHHTD3	3,41	81		Giỏi	9.780.100
328	21810110540	NGUYỄN VĂN HÀ	24/06/2003	D16H4	3,38	81		Giỏi	9.780.100
329	21810110195	LÊ DƯƠNG HÙNG	08/05/2003	D16H3	3,35	81		Giỏi	9.252.100
330	21810180526	DƯƠNG NGÔ ĐƯỢC	18/12/2003	D16DCN&DD1	3,35	81		Giỏi	9.780.100
331	21810110031	LÊ ĐỨC THÀNH	25/03/2003	D16TDHHTD1	3,33	81		Giỏi	9.780.100
332	21810430689	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,63	81		Giỏi	8.676.800
333	21810410060	TRẦN QUANG TRƯỜNG	09/03/2003	D16TDH&DKTBCN1	3,63	81		Giỏi	8.676.800
334	21810430612	LÊ THÁI DƯƠNG	25/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,56	81		Giỏi	8.676.800
335	21810430685	NGUYỄN VĂN QUANG	06/01/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,38	81		Giỏi	8.676.800
336	21810440627	HỒ SỸ VIỆT	22/07/2003	D16THDK&TDH2	3,36	81		Giỏi	9.475.400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
337	21810440600	TRẦN TRUNG NGUYỄN	10/03/2003	D16THDK&TDH2	3,33	81		Giỏi	9.475.400
338	21810430690	NGUYỄN VĂN NINH	09/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,28	81		Giỏi	8.676.800
339	21810430523	TRINH ĐÌNH DƯƠNG	28/06/2003	D16TDH&DKTBCN4	3,28	81		Giỏi	8.676.800
340	21810430462	NGUYỄN VIỆT DŨNG	13/01/2003	D16TDH&DKTBCN3	3,23	81		Giỏi	9.827.400
341	21810430680	NGUYỄN VIỆT ANH	04/06/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,22	81		Giỏi	8.676.800
342	21810430766	ĐẶNG NGỌC HẢI	20/11/2003	D16TDH&DKTBCN1	3,41	71		Khá	7.888.000
343	21810410665	NGUYỄN TIẾN SƠN	01/07/2003	D16TDH&DKTBCN3	3,19	80		Khá	7.888.000
344	21810430546	PHẠM QUỐC CƯỜNG	23/10/2003	D16TDH&DKTBCN4	3,16	80		Khá	7.888.000
345	21810430643	VÕ QUANG BẢO	16/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,13	80		Khá	7.888.000
346	21810410040	PHẠM ANH ĐẠT	10/06/2003	D16TDH&DKTBCN1	3,13	70		Khá	7.888.000
347	21810430666	LÊ KHÁNH DƯƠNG	23/05/2003	D16TDH&DKTBCN5	3,09	80		Khá	7.888.000
348	21810410080	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	21/10/2003	D16TDH&DKTBCN1	3,09	70		Khá	7.888.000
349	21810430493	PHẠM TRỌNG HIẾU	30/08/2002	D16TDH&DKTBCN3	3,08	80		Khá	6.799.000
350	21810430471	LẠI ĐỨC TÂM	02/03/2003	D16TDH&DKTBCN3	3,06	80		Khá	7.888.000
351	21810430732	NGUYỄN LỆNH THIÊN	01/04/2003	D16TDH&DKTBCN5	3	80		Khá	7.888.000
352	21810430746	LA TUẤN ANH	14/06/2003	D16TDH&DKTBCN1	3	70		Khá	7.888.000
353	21810410737	NGUYỄN NGỌC HOÀN	22/12/2003	D16CNKTDK2	2,94	80		Khá	8.934.000
354	21810440632	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	12/06/2003	D16THDK&TDH2	2,92	80		Khá	8.614.000
355	21810430479	NGUYỄN TÂN DŨNG	04/01/2003	D16TDH&DKTBCN3	2,91	80		Khá	7.888.000
356	21810440635	VŨ MẠNH THẮNG	15/09/2003	D16THDK&TDH2	2,89	80		Khá	8.614.000
357	21810410046	NGUYỄN XUÂN ĐOÀN	12/10/2003	D16TDH&DKTBCN1	2,88	80		Khá	7.888.000
358	21810410654	LÊ ĐẮC TUYÊN	13/01/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,88	80		Khá	7.888.000
359	21810430775	TRẦN ĐỨC ANH	15/11/2000	D16TDH&DKTBCN3	2,84	80		Khá	7.888.000
360	21810410134	ĐỖ VĂN TIẾN	01/03/2003	D16TDH&DKTBCN2	2,84	80		Khá	7.888.000
361	21810430704	LÊ VĂN VINH	05/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,81	80		Khá	7.888.000
362	21810430676	ĐOÀN HUYỀN TRANG	07/02/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,81	80		Khá	7.888.000
363	21810440410	ĐINH TRỌNG ĐẠT	10/08/2003	D16THDK&TDH1	2,8	80		Khá	8.614.000
364	21810410156	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	26/08/2003	D16CNKTDK1	2,78	80		Khá	8.934.000
365	21810430701	VÕ ĐÌNH TUYÊN	04/12/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,78	80		Khá	7.888.000
366	21810430568	NGUYỄN VĂN NAM	19/06/2003	D16TDH&DKTBCN4	2,75	80		Khá	7.888.000
367	21810410650	HOÀNG VĂN THẮNG	22/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,75	80		Khá	7.888.000
368	21810430622	VŨ TIẾN TRUNG	17/12/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,75	80		Khá	7.888.000
369	21810430630	NGUYỄN XUÂN HUY	23/08/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,75	80		Khá	7.888.000
370	21810430694	TRỊNH MINH TRÍ	07/07/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,75	80		Khá	7.888.000
371	21810430491	LÂM HUY HOÀNG	01/09/2003	D16TDH&DKTBCN3	2,72	80		Khá	7.888.000
372	21810410145	LÊ ĐÌNH VIỆT	15/06/2003	D16CNKTDK1	2,69	80		Khá	8.934.000
373	21810430614	PHẠM MINH ĐỨC	20/03/2003	D16TDH&DKTBCN5	2,69	80	3	Khá	7.888.000
374	21819140271	NGUYỄN KHÁNH LINH	01/12/2003	D16QLMTCN	3,47	81		Giỏi	9.874.700
375	21819100002	TRẦN TIẾN ĐẠT	19/10/2003	D16NLTT	3,32	81		Giỏi	10.930.700
376	21810310144	PHẠM THỊ THU HOÀI	02/12/2003	D16CNPM5	4	95		Xuất sắc	11.924.400
377	21810310426	TRỊNH MỸ DUYÊN	17/05/2003	D16CNPM3	3,95	96		Xuất sắc	11.924.400
378	21810310371	NGUYỄN THỊ TRANG	24/08/2003	D16CNPM2	3,95	96		Xuất sắc	11.924.400
379	21810310448	NGUYỄN QUỐC VIỆT	12/12/2003	D16CNPM3	3,89	95		Xuất sắc	11.924.400
380	21810310062	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	04/12/2003	D16CNPM1	3,89	92		Xuất sắc	11.924.400
381	21810310642	HOÀNG THỊ NHUNG	20/09/2003	D16CNPM2	3,89	91		Xuất sắc	11.924.400
382	21810310005	PHẠM ĐỨC TÀI	16/10/2003	D16CNPM1	3,87	95		Xuất sắc	11.924.400
383	21810310045	BÙI KHÁNH AN	10/10/2003	D16CNPM1	3,87	90		Xuất sắc	11.924.400
384	21810310150	LÊ THỊ TRẢ	25/10/2003	D16CNPM5	3,82	92		Xuất sắc	11.924.400
385	21810310370	LÝ VĂN CHUYỀN	03/01/2003	D16CNPM2	3,82	91		Xuất sắc	11.924.400
386	21810310070	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	29/04/2003	D16CNPM1	3,82	90		Xuất sắc	11.924.400
387	21810310363	MAI TIẾN ĐẠT	17/02/2003	D16CNPM2	3,79	90		Xuất sắc	11.924.400
388	21810310185	LÊ MẠNH TRƯỜNG	13/11/2003	D16CNPM6	3,76	90		Xuất sắc	11.924.400
389	21810310097	NGUYỄN THẾ QUÝ	17/11/2003	D16CNPM3	3,76	90		Xuất sắc	11.924.400
390	21810310020	ĐINH THỊ HẢI	13/09/2003	D16HTTMDT	3,75	95		Xuất sắc	11.644.800
391	21810310565	LÃ TIẾN ANH	13/12/2003	D16CNPM6	3,74	90		Xuất sắc	11.924.400
392	21810310394	TRẦN THANH NGÂN	16/09/2003	D16CNPM2	3,74	90		Xuất sắc	11.924.400
393	21810310560	VŨ ĐỨC THẮNG	14/10/2003	D16CNPM6	3,74	90		Xuất sắc	11.924.400
394	21810310616	LÊ HOÀNG MINH	24/04/2003	D16CNPM7	3,74	90		Xuất sắc	11.924.400
395	21810310366	PHẠM QUANG ĐẠT	01/05/2003	D16CNPM2	3,68	90		Xuất sắc	11.924.400
396	21810310030	LÊ ANH DUY	04/08/2003	D16CNPM1	3,66	92		Xuất sắc	11.924.400
397	21810310515	LÊ LÂM TÙNG	17/04/2003	D16CNPM5	3,66	90		Xuất sắc	11.924.400
398	21810310658	DƯƠNG THỊ NGÀ	02/03/2003	D16CNPM2	3,66	90		Xuất sắc	11.924.400
399	21810310149	NGUYỄN MINH ANH	17/10/2003	D16HTTMDT	3,65	95		Xuất sắc	11.644.800
400	21810310584	ĐỖ TUẤN LONG	22/09/2003	D16CNPM6	3,64	92		Xuất sắc	11.924.400
401	21810310413	TRỊNH TUẤN ANH	19/12/2003	D16CNPM3	3,63	95		Xuất sắc	11.924.400
402	21810310420	LƯU TIẾN KHƯƠNG	19/07/2003	D16CNPM3	3,63	90		Xuất sắc	11.924.400
403	21810310415	VỊ TUẤN ANH	07/05/2002	D16CNPM3	3,63	90		Xuất sắc	11.924.400
404	21810310194	NGUYỄN XUÂN THỦY	27/07/2003	D16CNPM7	3,61	95		Xuất sắc	11.924.400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
405	21810310523	TRƯƠNG HOÀNG HIỆP	26/03/2003	D16CNPM5	3,61	95		Xuất sắc	11.924.400
406	21810310109	HOÀNG MINH ĐẠO	21/12/2003	D16CNPM3	3,61	90		Xuất sắc	11.924.400
407	21810310146	LƯƠNG THỊ XUÂN MAI	26/12/2003	D16CNPM5	4	87	3,77	Giỏi	10.930.700
408	21810310530	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/05/2003	D16CNPM5	4	87	3,77	Giỏi	10.930.700
409	21810810234	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	28/10/2003	D16KTDN4	4	93		Xuất sắc	9.826.800
410	21810810241	TÔ MINH ANH	28/07/2003	D16KT&KS	3,89	96		Xuất sắc	9.826.800
411	21810810212	ĐẶNG PHƯƠNG DUNG	05/09/2003	D16KTDN4	3,82	95		Xuất sắc	9.826.800
412	21810810126	TRẦN THANH PHƯƠNG	29/01/2003	D16KTDN2	3,76	90		Xuất sắc	9.826.800
413	21810810165	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	13/12/2003	D16KTDN3	4	81		Giỏi	9.007.900
414	21810810025	LƯU NGỌC ANH	30/09/2003	D16KTDN1	3,95	81		Giỏi	9.007.900
415	21810810050	NGUYỄN THỦY LINH	09/08/2003	D16KT&KS	3,91	81		Giỏi	10.205.800
416	21810810224	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	06/01/2003	D16KTDN4	3,89	81		Giỏi	9.007.900
417	21810810272	TRẦN THỊ NGÂN	04/03/2003	D16KTDN5	3,89	81		Giỏi	9.007.900
418	21810810178	TRẦN PHƯƠNG NGÀ	05/09/2003	D16KT&KS	3,84	82		Giỏi	9.007.900
419	21810810132	NGUYỄN THẢO NGÂN	01/03/2003	D16KTDN2	3,84	81		Giỏi	9.007.900
420	21810810176	ĐỖ THỊ BẢO YẾN	18/02/2003	D16KTDN3	3,84	81		Giỏi	9.007.900
421	21810830235	DƯƠNG THỊ THU TRANG	03/11/2003	D16KT&KS	3,84	81		Giỏi	9.007.900
422	21810810290	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	28/11/2003	D16KTDN5	3,84	81		Giỏi	9.007.900
423	21810810065	LÊ MINH THƯ	20/09/2003	D16KTDN1	3,84	81		Giỏi	9.007.900
424	21810810022	HOÀNG HÀ CHI	22/07/2003	D16KT&KS	3,82	81		Giỏi	9.007.900
425	21810810007	BUI THỊ MINH NGUYỆT	16/02/2003	D16KTDN1	3,79	87		Giỏi	9.007.900
426	21810810316	GIÁP THỊ HẰNG	07/08/2003	D16KTDN5	3,79	81		Giỏi	9.007.900
427	21810810193	DIỆP THỊ MAI PHƯƠNG	16/08/2003	D16KTDN3	3,79	81		Giỏi	9.007.900
428	21810810121	VŨ BÍCH DƯ	12/12/2003	D16KTDN2	3,76	81		Giỏi	9.007.900
429	21810810099	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/09/2003	D16KTDN3	3,74	81		Giỏi	9.007.900
430	21810810042	TRẦN THỊ KIM DUYỀN	13/11/2003	D16KTDN1	3,74	81		Giỏi	9.007.900
431	21810830233	NGUYỄN THỊ LINH	29/10/2002	D16KT&KS	3,74	81	3,35	Giỏi	9.007.900
432	21810850389	NGUYỄN MINH XUÂN	02/01/2003	D16KIEMTOAN	3,78	81		Giỏi	8.533.800
433	21810850202	PHẠM THỊ NGỌC ANH	15/10/2003	D16KIEMTOAN	3,67	81		Giỏi	8.533.800
434	21810850372	ĐẶNG HUY HOÀNG	28/06/2003	D16KIEMTOAN	3,64	81		Giỏi	8.533.800
435	21810850409	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	11/10/2003	D16KIEMTOAN	3,58	81	3,26	Giỏi	8.533.800
436	21819110164	NGUYỄN VĂN HOÀNG	24/05/2003	D16NHIETDIEN	3,44	81		Giỏi	9.204.800
437	21819120149	BUI MẠNH HÙNG	19/05/2003	D16DIENLANH1	3,39	81		Giỏi	9.204.800
438	21819110141	ĐÀO THỊ MÙI	12/01/2003	D16NHIETDIEN	3,33	81		Giỏi	9.204.800
439	21819110037	LÊ HUY MÙI	03/04/2003	D16DIENLANH1	3,25	81		Giỏi	9.204.800
440	21819110021	LÂM THÀNH CÔNG	17/11/2003	D16DIENLANH1	3,16	80		Khá	8.368.000
441	21819110133	PHAN BÁ ĐẠT	10/04/2003	D16NHIETDIEN	3,08	80		Khá	8.368.000
442	21819120144	VŨ VĂN HOÀNG	26/05/2003	D16DIENLANH1	3,06	80		Khá	8.368.000
443	21819110012	CAO XUÂN TIỀN	21/08/2003	D16DIENLANH1	3,03	80		Khá	8.368.000
444	21819120139	ĐÀO BÁ HƯỜNG	26/02/2003	D16DIENLANH1	3,03	75		Khá	8.368.000
445	21810230491	NGUYỄN KHÁNH LINH	21/10/2003	D16LOGISTICS3	3,78	90		Xuất sắc	10.744.800
446	21810230402	DƯƠNG THỊ LAN ANH	27/06/2003	D16LOGISTICS2	3,69	92		Xuất sắc	10.744.800
447	21810230397	NGUYỄN THỊ MINH HÒA	28/12/2003	D16LOGISTICS2	3,64	92		Xuất sắc	10.744.800
448	21810230464	VÕ THU HIỀN	05/07/2003	D16LOGISTICS3	4	81		Giỏi	9.321.400
449	21810230019	MAI VĂN ĐIỂN	26/03/2000	D16LOGISTICS1	3,94	81		Giỏi	9.849.400
450	21810230449	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	19/11/2003	D16LOGISTICS3	3,93	81		Giỏi	8.123.500
451	21810230455	TRẦN KHÁNH LINH	15/07/2003	D16LOGISTICS3	3,78	87		Giỏi	9.849.400
452	21810230060	HOÀNG THỊ YẾN GIANG	11/12/2003	D16LOGISTICS2	3,75	81		Giỏi	9.321.400
453	21810230432	NGUYỄN THUY HIỀN	05/10/2003	D16LOGISTICS3	3,75	81		Giỏi	9.321.400
454	21810230061	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	26/08/2003	D16LOGISTICS2	3,72	81		Giỏi	9.849.400
455	21810230494	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	18/01/2003	D16LOGISTICS3	3,69	81		Giỏi	9.321.400
456	21810230450	ĐÀO THỊ LIÊN	14/09/2003	D16LOGISTICS3	3,67	87		Giỏi	9.849.400
457	21810230059	VƯƠNG THỊ HÀ ANH	04/11/2003	D16LOGISTICS2	3,61	87		Giỏi	9.849.400
458	21810230413	NGUYỄN THỊ THOA	05/08/2003	D16LOGISTICS2	3,61	81	3,34	Giỏi	9.321.400
459	21810230483	ĐINH THỊ THANH HUYỀN	20/05/2003	D16QLSX&TN	3,81	81		Giỏi	10.153.000
460	21810220003	NGUYỄN THỊ THƠM	17/04/2003	D16QLSX&TN	3,5	81		Giỏi	9.625.000
461	21810230505	NGUYỄN HỒNG NHUNG	05/08/2003	D16QLSX&TN	3,25	81		Giỏi	10.153.000
462	21810230423	NGÔ THỊ NGỌC HẰ	26/01/2003	D16QLSX&TN	3,22	81		Giỏi	9.625.000
463	21810270043	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	03/02/2003	D16KTNL	3,76	95		Xuất sắc	11.703.600
464	21810260033	NGUYỄN VŨ HẢI ANH	13/08/2003	D16TTDIEN	3,79	81		Giỏi	10.728.300
465	21810270044	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	22/06/2003	D16KTNL	3,63	81		Giỏi	10.728.300
466	21810210003	LÊ VĂN TUẤN	22/10/2003	D16KTNL	3,47	81		Giỏi	10.728.300
467	21810210002	DƯƠNG PHƯƠNG LINH	24/09/2003	D16KTNL	3,47	81		Giỏi	10.728.300
468	21810720011	LƯU VĂN PHÚC	12/10/2003	D16QTDVDL&LH1	3,81	81		Giỏi	8.309.400
469	21810000431	LÊ THU PHƯƠNG	21/09/2003	D16QTDVDL&LH2	3,58	81		Giỏi	8.309.400
470	21810000389	NGUYỄN THỊ LÊ	29/05/2003	D16QTDVDL&LH1	3,5	82		Giỏi	8.309.400
471	21810000399	TRẦN MAI THỊ	13/08/2003	D16QTDVDL&LH1	3,47	82		Giỏi	8.309.400
472	21810000435	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	05/12/2003	D16QTDVDL&LH2	3,47	81		Giỏi	8.309.400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
473	21810710179	NGUYỄN KHẮC HOÀNG AN	21/11/2003	D16QTDN5	3,78	81		Giỏi	8.533.800
474	21810710170	NGUYỄN THỊ DIỆP	30/01/2002	D16QTDN5	3,67	81		Giỏi	8.533.800
475	21810710252	PHẠM THUY TRANG	14/10/2003	D16QTDN4	3,67	81		Giỏi	8.533.800
476	21810710137	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	07/11/2003	D16QTDLKS	3,63	87		Giỏi	9.007.900
477	21810710146	DƯƠNG THỊ HỒNG AN	29/12/2003	D16QTDN4	3,61	81		Giỏi	8.533.800
478	21810710040	TRẦN THẢO MY	10/05/2003	D16QTDN1	3,58	95		Giỏi	8.533.800
479	21810710278	BÙI KHẢ VÂN	08/06/2003	D16QTDN4	3,58	81		Giỏi	8.533.800
480	21810710260	LÊ THỊ THANH THẢO	11/05/2003	D16QTDN4	3,56	81		Giỏi	8.533.800
481	21810710414	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	03/08/2003	D16QTDN4	3,56	81		Giỏi	8.533.800
482	21810710051	ĐỖ ĐỨC MẠNH	30/09/2003	D16QTDN1	3,5	81		Giỏi	8.533.800
483	21810710405	NGUYỄN THỊ TRANG	29/09/2003	D16QTDN3	3,44	81		Giỏi	8.533.800
484	21810710176	TRẦN THỊ NỤ	09/08/2002	D16QTDN5	3,44	81		Giỏi	8.533.800
485	21810710407	VĂN THỊ THUY HỒNG	08/05/2003	D16QTDN2	3,36	81		Giỏi	8.533.800
486	21810720306	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG OANH	05/09/2003	D16QTDLKS	3,34	81		Giỏi	9.007.900
487	21810710211	NGÔ THỊ THẢO VÂN	16/11/2003	D16QTDN2	3,31	81		Giỏi	8.533.800
488	21810710279	NGUYỄN HỮU HIẾU	28/05/2003	D16QTDN5	3,31	81		Giỏi	8.533.800
489	21810710010	PHẠM NGỌC HẢI	18/06/2003	D16QTDN1	3,31	81		Giỏi	8.533.800
490	21810710193	TRẦN THỊ THẢO VÂN	05/10/2003	D16QTDN2	3,3	90		Giỏi	8.533.800
491	21810710264	KIỀU VĂN TUÂN	03/01/2003	D16QTDN4	3,28	81		Giỏi	8.533.800
492	21810710012	LONG DIỆP THÀNH NAM	12/12/2003	D16QTDN1	3,28	81		Giỏi	8.533.800
493	21810710355	CHU VĂN VƯƠNG	14/03/2003	D16QTDN6	3,25	81		Giỏi	8.533.800
494	21810710207	NGUYỄN THỊ ANH	14/11/2003	D16QTDN2	3,25	81		Giỏi	8.533.800
495	21810710199	BÙI THUY DƯƠNG	18/07/2003	D16QTDN2	3,25	81		Giỏi	8.533.800
496	21810710280	ĐÀO HOÀNG LAN	13/04/2003	D16QTDN5	3,25	81		Giỏi	8.533.800
497	21810710370	LÊ THỊ DUYÊN	19/06/2003	D16QTDN6	3,25	81		Giỏi	8.533.800
498	21810710203	TRẦN THỊ KIM CHI	24/12/2003	D16QTDN2	3,22	80		Giỏi	8.533.800
499	21810710131	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	15/11/2003	D16QTDN3	3,22	80		Giỏi	8.533.800
500	21810710030	DƯƠNG CƯỜNG QUYẾT	23/10/2003	D16QTDN1	3,19	94		Khá	7.758.000
501	21810710148	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/09/2003	D16QTDN4	3,19	80		Khá	7.758.000
502	21810710163	NGUYỄN THỊ THANH THUY	27/03/2003	D16QTDN4	3,17	80		Khá	7.758.000
503	21810710088	LÊ PHƯƠNG THẢO	16/03/2003	D16QTDN2	3,17	80	3,13	Khá	7.758.000
504	21810820304	TRẦN THỊ THU HIỀN	18/05/2003	D16TCDN2	3,67	95		Xuất sắc	9.309.600
505	21810820172	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	07/12/2003	D16TCDN1	3,64	92		Xuất sắc	9.309.600
506	21810820120	NGUYỄN HUY VIỆT	20/03/2003	D16NGANHANG1	3,76	81		Giỏi	8.533.800
507	21810820324	TÀ THỊ NGỌC HUYỀN	17/07/2003	D16NGANHANG1	3,75	81		Giỏi	8.533.800
508	21810840283	ĐOÀN THỊ HOA	14/03/2003	D16NGANHANG2	3,7	81		Giỏi	8.533.800
509	21810820168	NGUYỄN ĐĂNG HUY	13/11/2003	D16NGANHANG1	3,64	81		Giỏi	8.533.800
510	21810820282	TRẦN THUY NGA	14/10/2003	D16TCDN2	3,61	81		Giỏi	8.533.800
511	21810840276	DƯƠNG HẢI TRIỆU	01/08/2003	D16NGANHANG2	3,58	87		Giỏi	8.533.800
512	21810820255	LỖ THỊ THUY DUNG	14/02/2003	D16TCDN2	3,58	81		Giỏi	8.533.800
513	21810820181	MAI THỊ PHƯƠNG	12/04/2003	D16NGANHANG1	3,58	81		Giỏi	8.533.800
514	21810840274	NGUYỄN THỊ THU TRANG	28/03/2003	D16NGANHANG2	3,53	81		Giỏi	8.533.800
515	21810820176	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	27/11/2003	D16NGANHANG1	3,5	81		Giỏi	8.533.800
516	21810820281	LÊ THỊ LÀNH	17/06/2003	D16TCDN2	3,47	81		Giỏi	8.533.800
517	21810820333	BÙI THỊ NHUNG	01/12/2002	D16TCDN2	3,47	81		Giỏi	8.533.800
518	21810840285	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	27/11/2003	D16NGANHANG2	3,47	81		Giỏi	8.533.800
519	21810820210	TRẦN NHƯ QUỲNH	17/07/2003	D16TCDN2	3,47	81		Giỏi	8.533.800
520	21810860452	THÁI AN SANG	09/05/2003	D16KDTMTT1	3,67	81		Giỏi	9.784.500
521	21810860380	TRẦN THỊ MINH	30/05/2003	D16KDTMTT1	3,67	81		Giỏi	8.586.600
522	21810860387	TRẦN VIỆT TRÍ	27/02/2003	D16KDTMTT2	3,53	81		Giỏi	8.586.600
523	21810860363	ĐỖ THANH HUYỀN	11/02/2003	D16KDTMTT1	3,47	81		Giỏi	8.586.600
524	21810860455	NGUYỄN SỸ CƯỜNG	28/03/2003	D16KDTMTT1	3,42	81		Giỏi	8.586.600
525	21810860438	VÌ THỊ KIM HẠNH	27/01/2003	D16KDTMTT2	3,42	81		Giỏi	8.586.600
526	21810860404	NGUYỄN THU HẰNG	08/06/2003	D16KDTMTT2	3,39	81		Giỏi	8.586.600
527	21810860389	TRẦN THỊ OANH	20/02/2003	D16KDTMTT2	3,39	81		Giỏi	8.586.600
528	22810620040	ĐẶNG THẾ PHONG	16/09/2004	D17CODT1	3,68	90		Xuất sắc	10.196.400
529	22810620008	NGUYỄN TIẾN PHÚC	13/12/2003	D17CODT1	3,74	81		Giỏi	9.346.700
530	22810620093	DƯƠNG QUANG LONG	20/02/2004	D17CODT2	3,61	81		Giỏi	9.346.700
531	22810620023	PHẠM QUANG LONG VŨ	22/04/2004	D17CODT1	3,58	90		Giỏi	9.346.700
532	22810620089	NGUYỄN ĐỨC QUANG	27/08/2004	D17CODT2	3,53	81		Giỏi	9.346.700
533	22810620074	PHÙNG VĂN SƠN	16/02/2004	D17CODT2	3,37	95		Giỏi	9.346.700
534	22810610025	VŨ MẠNH QUỲNH	05/09/2004	D17CKCTM	3,79	81		Giỏi	9.346.700
535	22810680045	LƯƠNG VĂN TOẢN	09/03/2004	D17CKOTO	3,74	81		Giỏi	9.346.700
536	22810610085	NGUYỄN VĂN TUÂN	02/07/2004	D17CKCTM	3,68	81		Giỏi	9.346.700
537	22810610010	VŨ MINH SƠN	19/01/2004	D17CKCTM	3,66	81		Giỏi	9.346.700
538	22810610029	NGUYỄN QUANG VINH	07/11/2004	D17CKCTM	3,63	81		Giỏi	9.346.700
539	22810680064	ĐỖ ĐÌNH VĂN	10/11/2004	D17CKOTO	3,53	81		Giỏi	9.346.700
540	22810680013	TRẦN DANH TUÂN	16/11/2004	D17CKOTO	3,37	92		Giỏi	9.346.700

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
541	22810610088	NGUYỄN NGỌC LÂM	30/06/2004	D17CKCTM	3,37	81	2,67	Giỏi	9.346.700
542	22810650130	NGUYỄN QUỐC SỸ	04/10/2004	D17XDDD&CN	3,11	98		Khá	9.297.000
543	22810640060	ĐỖ QUANG VINH	26/10/2004	D17QLDA&CTXD1	3	96		Khá	9.297.000
544	22810640081	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	02/10/2004	D17QLDA&CTXD2	2,79	96		Khá	9.297.000
545	22810630104	ĐÀM MAI XUÂN TRƯỜNG	17/10/2004	D17XDCTD	2,79	80		Khá	9.297.000
546	22810640093	LÊ NA THÙY LINH	29/03/2004	D17QLDA&CTXD2	2,76	96		Khá	9.297.000
547	22810650009	NGUYỄN CAO ĐẠT	17/10/2004	D17XDDD&CN	2,66	96		Khá	9.297.000
548	22810640090	ĐÀM DUY LINH	20/03/2004	D17QLDA&CTXD2	2,63	91		Khá	9.297.000
549	22810670136	DƯƠNG ĐỨC HOÀN	31/12/2004	D17CODCT	2,63	80		Khá	9.297.000
550	22810650026	VŨ XUÂN CHÍNH	18/08/2004	D17XDDD&CN	2,58	80		Khá	9.297.000
551	22810550156	LÊ ĐÌNH TÙNG	30/11/2004	D17KTD	3,29	95		Giỏi	9.170.700
552	22810510140	KIỀU ANH HẢI	08/01/2004	D17DTV1	3,26	94		Giỏi	9.170.700
553	22810510291	BÙI CHÍ VŨ	29/07/2004	D17DTV2	3,26	81		Giỏi	9.170.700
554	22810540282	NGUYỄN THÙY LINH	12/02/2004	D17DT&KTMT1	3,24	81		Giỏi	9.170.700
555	22810550062	TRẦN MINH TÀI	13/09/2003	D17DT&KTMT2	3,21	81		Giỏi	9.170.700
556	22810570043	TRẦN THỊ THẢO	23/10/2004	D17DT&KTMT1	3,18	89		Khá	8.337.000
557	22810540094	TRỊNH HOÀNG TÙNG	18/03/2004	D17DT&KTMT1	3,16	80		Khá	8.337.000
558	22810510026	NGUYỄN HOÀNG ANH	03/10/2004	D17DTV1	3,13	80		Khá	8.337.000
559	22810540083	CAO MINH TUẤN	24/03/2004	D17DT&KTMT1	3,11	80		Khá	8.337.000
560	22810510273	LÊ THANH TÙNG	12/02/2004	D17DT&KTMT2	3,08	80		Khá	8.337.000
561	22810540008	ĐỖ MINH HUY HIỆU	29/12/2004	D17DT&KTMT1	3,03	80		Khá	8.337.000
562	22810540034	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	08/10/2004	D17DT&KTMT1	3,03	80		Khá	8.337.000
563	22810540158	NGUYỄN BẢ MINH	14/11/2004	D17DT&KTMT2	3,03	80		Khá	8.337.000
564	22810540129	NGUYỄN TRUNG THẮNG	19/10/2004	D17DT&KTMT2	2,97	80		Khá	8.337.000
565	22810540248	PHẠM VĂN HIỆU	21/11/2004	D17DT&KTMT2	2,97	80		Khá	8.337.000
566	22810510117	NGUYỄN ANH NGUYỆT	02/01/2004	D17DTV1	2,97	80		Khá	8.337.000
567	22810570153	LÊ VĂN DƯƠNG	19/10/2004	D17DT&KTMT1	2,87	80		Khá	8.337.000
568	22810510224	VƯƠNG NGỌC ANH	03/09/2004	D17DTV2	2,87	80		Khá	8.337.000
569	22810510141	NGUYỄN TUẤN MẠNH	14/11/2004	D17DTV1	2,87	80		Khá	8.337.000
570	22810570053	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	30/06/2004	D17DT&KTMT1	2,84	70		Khá	8.337.000
571	22810540168	NGUYỄN ANH TUẤN	05/08/2004	D17DT&KTMT2	2,82	80	2,84	Khá	8.337.000
572	22810110167	DƯƠNG GIA HIỆU	09/10/2004	D17H2	3,8	98		Xuất sắc	9.480.000
573	22810180407	NGÔ XUÂN QUÝ	15/03/2004	D17DCN&DD2	3,7	95		Xuất sắc	9.480.000
574	22810180437	LÊ DUY ĐẠI	27/09/2004	D17DCN&DD2	3,68	95		Xuất sắc	9.480.000
575	22810180253	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	14/05/2004	D17DCN&DD1	3,8	81		Giỏi	8.690.000
576	22810180041	TRẦN VĂN HOÀN	09/10/2004	D17DCN&DD1	3,63	81		Giỏi	8.690.000
577	22810110161	PHẠM VĂN TRỌNG	02/03/2004	D17H2	3,58	81		Giỏi	8.690.000
578	22810170336	KIM NGỌC THẠCH	17/06/1998	D17TDHHTD3	3,55	90		Giỏi	8.690.000
579	22810110438	NGUYỄN THANH BÌNH	16/07/2004	D17H3	3,5	95		Giỏi	8.690.000
580	22810170352	NGUYỄN THÀNH TRUNG	28/10/2004	D17TDHHTD3	3,38	90		Giỏi	8.690.000
581	22810110049	ĐUỖ TUẤN ANH	19/08/2004	D17H1	3,38	81		Giỏi	8.690.000
582	22810110374	PHẠM PHƯƠNG ANH	25/08/2004	D17H3	3,35	95		Giỏi	8.690.000
583	22810110384	HÀ QUANG Ý	13/04/2004	D17H3	3,28	81		Giỏi	8.690.000
584	22810110095	VŨ THÁNH KHÔI	19/03/2004	D17H1	3,25	92		Giỏi	8.690.000
585	22810110160	TRỊNH NGỌC HIỆU	21/01/2004	D17H2	3,25	81		Giỏi	8.690.000
586	22810160094	PHẠM MINH HÙNG	08/10/2004	D17DCN&DD2	3,23	80		Giỏi	8.690.000
587	22810170361	PHẠM QUỐC BẢO	19/10/2004	D17TDHHTD3	3,2	95		Giỏi	8.690.000
588	22810110315	VŨ KHẮC DUY	19/09/2004	D17H3	3,2	81		Giỏi	8.690.000
589	22810180137	ĐOÀN BÁ ĐỨC	23/12/2004	D17DCN&DD1	3,2	80		Giỏi	8.690.000
590	22810170239	NGUYỄN VĂN HUY	08/12/2004	D17TDHHTD2	3,28	70		Khá	7.900.000
591	22810170165	NGUYỄN HỮU GIÁP	09/06/2004	D17TDHHTD2	3,25	70		Khá	7.900.000
592	22810110156	VŨ ĐỨC PHÚ	07/11/2004	D17H2	3,18	91		Khá	7.900.000
593	22810170091	PHẠM ĐỨC TƯỜNG	06/09/2004	D17TDHHTD1	3,15	94		Khá	7.900.000
594	22810170025	NGUYỄN HẢI VÂN	23/05/2004	D17TDHHTD1	3,1	95		Khá	7.900.000
595	22810110209	NGUYỄN THANH TÙNG	02/04/2004	D17H2	3,1	80		Khá	7.900.000
596	22810110076	TẠ TÙNG THẮNG	15/03/2004	D17H1	3,05	80		Khá	7.900.000
597	22810110133	KIỀU VĂN QUYỀN	08/03/2004	D17DCN&DD1	3,05	80		Khá	7.900.000
598	22810110123	PHẠM THANH TRƯỜNG	13/06/2004	D17H1	3,05	80		Khá	7.900.000
599	22810170348	PHẠM ĐỨC THÁI	31/05/2004	D17TDHHTD3	3,05	80		Khá	7.900.000
600	22810180398	ĐẶNG THÁI PHONG	14/09/2004	D17DCN&DD2	3,05	79		Khá	7.900.000
601	22810110284	NGUYỄN HỒNG HIỆU	19/07/2004	D17H2	3,03	80		Khá	7.900.000
602	22810170421	ĐỖ ĐỨC DUY	25/08/2003	D17TDHHTD3	3	80		Khá	7.900.000
603	22810110447	NGUYỄN CAO BẮC	24/09/2004	D17H1	2,96	80	3,03	Khá	7.900.000
604	22810440028	NGUYỄN PHAN NAM KHÁNH	02/02/2004	D17THDK&TDH1	3,76	81		Giỏi	8.724.100
605	22810430107	HOÀNG MINH TRÍ	21/06/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,65	81		Giỏi	8.724.100
606	22810430460	DƯƠNG VĂN QUÂN	07/10/2004	D17TDH&DKTBCN4	3,65	81		Giỏi	8.724.100
607	22810430229	BÙI LONG VŨ	29/11/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,58	81		Giỏi	8.724.100
608	22810440015	VŨ SỸ DŨNG	12/07/2004	D17THDK&TDH1	3,53	81		Giỏi	8.724.100

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
609	22810430003	PHAN MINH TUẤN	15/07/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,53	81		Giỏi	8.724.100
610	22810430234	PHẠM QUỐC TRÍ	10/12/2004	D17TDH&DKTBCN3	3,47	81		Giỏi	8.724.100
611	22810410277	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	10/10/2004	D17CNKTDK2	3,47	81		Giỏi	8.724.100
612	22810430020	LÊ TRUNG KIẾN	19/02/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,47	81		Giỏi	8.724.100
613	22810430440	VĂN HUY MẠNH	16/02/2004	D17TDH&DKTBCN4	3,43	81		Giỏi	8.724.100
614	22810430191	TRẦN VĂN KHÁNH	02/03/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,41	81		Giỏi	8.724.100
615	22810430232	ĐỖ VĂN HƯƠNG	20/07/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,41	81		Giỏi	8.724.100
616	22810430178	TRẦN NGUYỄN ANH NAM	07/07/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,41	81		Giỏi	8.724.100
617	22810430230	NGUYỄN NHẬT VŨ	05/06/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,41	81		Giỏi	8.724.100
618	22810440145	NGUYỄN THÀNH LỘC	22/08/2004	D17THDK&TDH1	3,38	81		Giỏi	8.724.100
619	22810430089	NGUYỄN CÔNG TÂN	27/02/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,35	81		Giỏi	8.724.100
620	22810440340	ĐỖ MINH HIẾU	02/02/2004	D17THDK&TDH2	3,35	81		Giỏi	8.724.100
621	22810440434	HOÀNG QUỐC TRƯỞNG	25/05/2004	D17THDK&TDH3	3,35	81		Giỏi	8.724.100
622	22810430168	VŨ MINH ĐỨC	31/08/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,35	81		Giỏi	8.724.100
623	22810440349	VŨ TIẾN ĐẠT	13/07/2004	D17THDK&TDH2	3,29	81		Giỏi	8.724.100
624	22810430148	NGUYỄN THẾ HÙNG	21/03/2004	D17TDH&DKTBCN2	3,29	81		Giỏi	8.724.100
625	22810440273	HOÀNG KIM AN	16/09/2004	D17THDK&TDH2	3,29	81		Giỏi	8.724.100
626	22810430104	ĐỖ ĐĂNG LỰC	05/09/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,29	81		Giỏi	8.724.100
627	22810430249	BẠCH NHƯ Ý	17/12/2004	D17TDH&DKTBCN3	3,29	80		Giỏi	8.724.100
628	22810430106	ĐÀO ĐỨC THẮNG	17/01/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,26	81		Giỏi	8.724.100
629	22810440032	NGUYỄN PHAN DUY TÂN	13/07/2004	D17THDK&TDH1	3,24	81		Giỏi	8.724.100
630	22810430094	NGUYỄN MẠNH TUẤN	10/08/2004	D17TDH&DKTBCN1	3,24	81		Giỏi	8.724.100
631	22810440441	NGUYỄN HOÀNG ĐỆ	09/03/2004	D17THDK&TDH3	3,24	81		Giỏi	8.724.100
632	22810430303	LÊ ANH DŨNG	05/06/2004	D17TDH&DKTBCN3	3,24	81		Giỏi	8.724.100
633	22810440212	LÊ MINH TUẤN	25/05/2004	D17THDK&TDH2	3,24	81		Giỏi	8.724.100
634	22810410354	TRẦN ĐỨC THIÊN	21/07/2003	D17CNKTDK2	3,21	81		Giỏi	8.724.100
635	22810430470	ĐƯƠNG VĂN AN	10/06/2004	D17TDH&DKTBCN4	3,29	71		Khá	7.931.000
636	22810430462	TÔ CẢNH HÙNG	16/01/2004	D17TDH&DKTBCN4	3,24	71		Khá	7.931.000
637	22810440010	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	18/08/2004	D17THDK&TDH1	3,18	80		Khá	7.931.000
638	22810440291	NGUYỄN VĂN ĐỨC	29/07/2004	D17THDK&TDH2	3,18	80		Khá	7.931.000
639	22810410329	TRẦN CÔNG MINH	11/03/2004	D17CNKTDK2	3,18	80		Khá	7.931.000
640	22810430275	PHẠM LINH QUANG	02/02/2004	D17TDH&DKTBCN3	3,18	80		Khá	7.931.000
641	22819140079	TRẦN XUÂN TIẾN	05/12/2004	D17QLMTCN	3,65	92		Xuất sắc	9.517.200
642	22819150063	LƯU CHIẾN HẢI	11/11/2004	D17NLTT2	3,02	79		Khá	8.977.000
643	22819150010	NGUYỄN BÀ ĐỨC	29/07/2004	D17NLTT1	2,87	80		Khá	8.977.000
644	22819150034	NGUYỄN VŨ HÙNG	05/04/2004	D17NLTT1	2,84	80		Khá	8.977.000
645	22819150064	ĐINH HUY HIẾU	03/11/2004	D17NLTT2	2,71	79		Khá	8.251.000
646	22810310377	HOÀNG THỊ THẢO	15/07/2004	D17CNPM6	3,9	92		Xuất sắc	12.219.600
647	22810340001	PHẠM TIẾN HÙNG	23/02/2004	D17HTTMDT	3,86	90		Xuất sắc	12.050.400
648	22810310397	LÊ THÁI NAM	20/09/2004	D17CNPM6	3,83	92		Xuất sắc	12.219.600
649	22810320039	LÊ GIA HUY	28/12/2004	D17QTANM	3,76	95		Xuất sắc	12.219.600
650	22810310160	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	07/03/2004	D17CNPM3	3,76	92		Xuất sắc	12.219.600
651	22810310261	VÔ THỊ KIM LIÊN	08/06/2004	D17CNPM4	3,76	90		Xuất sắc	12.219.600
652	22810310267	ĐIỀU THỦY LIÊN	20/09/2004	D17CNPM4	3,69	90		Xuất sắc	12.219.600
653	22810310245	NGUYỄN CHÂU THANH	10/09/2004	D17CNPM4	3,69	90		Xuất sắc	12.219.600
654	22810310281	NGUYỄN HOÀNG SƠN	01/01/2004	D17CNPM4	3,6	95		Xuất sắc	12.219.600
655	22810310294	NGUYỄN GIA HUY	31/01/2004	D17CNPM4	3,6	95		Xuất sắc	12.219.600
656	22810340016	LÊ THỊ QUỲNH	12/12/2004	D17CNPM6	3,95	81		Giỏi	11.201.300
657	22810340310	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	24/02/2004	D17HTTMDT	3,91	87		Giỏi	11.046.200
658	22810310425	NGUYỄN QUỐC VIỆT	26/12/2004	D17CNPM6	3,9	87		Giỏi	11.201.300
659	22810340364	LẠI THỊ PHƯƠNG LINH	09/01/2004	D17HTTMDT	3,89	87		Giỏi	11.046.200
660	22810310033	VŨ TIẾN TÀI	22/06/2004	D17CNPM1	3,88	81		Giỏi	11.201.300
661	22810310241	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	05/08/2004	D17CNPM4	3,86	81		Giỏi	11.201.300
662	22810310128	MAI VĂN HOÀNG	02/11/2004	D17CNPM2	3,79	81		Giỏi	11.201.300
663	22810310338	NGUYỄN GIA HUY	20/09/2004	D17CNPM5	3,76	87		Giỏi	11.201.300
664	22810310234	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	01/01/2004	D17CNPM4	3,76	82		Giỏi	11.201.300
665	22810310335	TẠ KIỀU VÂN	12/11/2004	D17CNPM5	3,76	81		Giỏi	11.201.300
666	22810320435	NGUYỄN BẢO KHÁNH	08/04/2004	D17QTANM	3,76	81		Giỏi	11.201.300
667	22810310123	NGUYỄN THỊ LIÊN	12/12/2004	D17CNPM2	3,76	81		Giỏi	11.201.300
668	22810310083	NGUYỄN VĂN TÚ	09/04/2004	D17CNPM2	3,76	81		Giỏi	11.201.300
669	22810310431	KHÚC XUÂN TRIỂN	28/07/2004	D17CNPM6	3,74	81		Giỏi	11.201.300
670	22810310410	NGUYỄN DUY HIỆP	22/06/2004	D17CNPM6	3,74	81		Giỏi	11.201.300
671	22810310081	LÊ ĐĂNG VINH	01/10/2004	D17QTANM	3,71	81		Giỏi	11.201.300
672	22810310268	NGUYỄN GIA HUY	24/05/2004	D17CNPM4	3,71	81		Giỏi	11.201.300
673	22810310423	NGUYỄN THỊ LÝ	01/02/2004	D17CNPM6	3,71	81		Giỏi	11.201.300
674	22810340201	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	26/05/2004	D17CNPM5	3,69	87	3,61	Giỏi	11.201.300
675	22810830082	NGUYỄN THỦY DUNG	06/03/2004	D17KT&KS	3,89	90		Xuất sắc	9.663.600
676	22810810162	ĐỖ NGỌC ÁNH	19/10/2004	D17KTDN3	3,86	90		Xuất sắc	9.146.400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VNĐ)
677	22810810010	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LY	21/11/2003	D17KTDN1	3,81	95		Xuất sắc	9.146.400
678	22810810048	TRẦN THÀNH TRUNG	19/03/2003	D17KTDN1	3,81	90		Xuất sắc	9.146.400
679	22810810119	PHẠM TUYẾT NHUNG	28/08/2004	D17KTDN2	3,75	90		Xuất sắc	9.146.400
680	22810810175	NGÔ THỊ OANH	17/02/2004	D17KT&KS	3,74	90		Xuất sắc	9.663.600
681	22810810182	THỊNH THỊ OANH	25/02/2004	D17KTDN3	3,72	90		Xuất sắc	9.146.400
682	22810810026	PHẠM MINH KHANH	22/03/2004	D17KTDN1	3,69	95		Xuất sắc	9.146.400
683	22810810146	NGUYỄN THỊ KIM THOA	01/12/2004	D17KTDN3	3,69	92		Xuất sắc	9.146.400
684	22810810124	HOÀNG TƯỜNG VY	24/01/2004	D17KTDN2	3,64	90		Xuất sắc	9.146.400
685	22810830013	NGUYỄN THỊ HẢO	12/12/2004	D17KT&KS	3,61	90		Xuất sắc	9.663.600
686	22810810075	LÊ THỊ KIM ANH	11/02/2004	D17KTDN2	3,61	90		Xuất sắc	9.146.400
687	22810810041	NGUYỄN THỊ HUỖN THU	23/06/2004	D17KTDN1	3,72	81		Giỏi	8.384.200
688	22810810190	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	10/06/2004	D17KTDN3	3,67	89	3,41	Giỏi	8.384.200
689	22810850066	NGUYỄN ĐÌNH NAM	12/08/2004	D17KIEMTOAN2	4	98		Xuất sắc	10.017.600
690	22810850064	DƯƠNG MỸ DUNG	20/10/2004	D17KIEMTOAN2	4	93		Xuất sắc	10.017.600
691	22810850062	ĐÀO KHẮC ĐẠT	19/09/2004	D17KIEMTOAN2	3,85	98		Xuất sắc	10.017.600
692	22810850070	NGUYỄN CẨM TÚ	17/06/2003	D17KIEMTOAN2	3,85	93		Xuất sắc	10.017.600
693	22810850014	NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	01/01/2003	D17KIEMTOAN1	3,75	95		Xuất sắc	10.017.600
694	22810850075	LÊ MINH VƯỢNG	23/01/2004	D17KIEMTOAN2	3,63	93		Xuất sắc	10.017.600
695	22819130058	ĐẶNG HOÀNG LONG	22/09/2004	D17NHIETCN	3	80		Khá	8.657.000
696	22819110074	NGUYỄN DUY HUỖNH	01/04/2004	D17NHIETDIEN	2,79	80		Khá	8.657.000
697	22819120011	NGUYỄN MINH HIẾU	12/04/2004	D17DIENLANH1	2,74	80		Khá	8.657.000
698	22810230087	LÊ THÚY NGÀ	20/09/2004	D17LOGISTICS1	3,89	81		Giỏi	8.943.000
699	22810230012	BÙI THU HIỀN	16/10/2004	D17LOGISTICS1	3,83	81		Giỏi	8.943.000
700	22810230016	LÊ THỊ HUƠNG	22/02/2004	D17LOGISTICS1	3,72	81		Giỏi	8.943.000
701	22810230122	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	22/09/2003	D17LOGISTICS2	3,72	81		Giỏi	8.943.000
702	22810230049	BÙI LÊ THANH HUỖN	24/11/2004	D17LOGISTICS1	3,67	81		Giỏi	8.943.000
703	22810230112	NGHIÊM THỊ HẰNG	03/09/2004	D17LOGISTICS2	3,67	81		Giỏi	8.943.000
704	22810230135	NGUYỄN PHƯƠNG LOAN	17/01/2004	D17LOGISTICS2	3,58	90		Giỏi	8.943.000
705	22810230181	NGUYỄN THỊ VÂN	10/07/2004	D17LOGISTICS2	3,58	81		Giỏi	8.943.000
706	22810230163	NGUYỄN ANH TÀI	23/10/2004	D17QLCN2	3,67	80		Giỏi	8.793.400
707	22810230063	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	15/10/2004	D17QLCN2	3,36	80		Giỏi	8.793.400
708	22810230051	CHU QUANG HUY	13/09/2004	D17QLCN2	3,33	80		Giỏi	8.793.400
709	22810240110	HOÀNG VĂN CHUNG	09/07/2004	D17QLCN1	3,22	80		Giỏi	8.793.400
710	22810230018	LÊ THỊ ANH THƯ	28/06/2004	D17QLCN1	3,11	85		Khá	7.994.000
711	22810250148	ĐÀO THÚY NGÀ	11/09/2004	D17QLCN1	3,03	85		Khá	7.994.000
712	22810230026	PHAN NGỌC MAI	27/08/2004	D17QLCN2	3	79		Khá	7.994.000
713	22810230060	HOÀNG THU QUỲNH	03/10/2004	D17QLCN1	2,89	79		Khá	7.994.000
714	22810270030	TRẦN MINH ĐỨC	12/09/2004	D17QLNL1	2,89	80		Khá	7.994.000
715	22810270135	NGUYỄN QUỲ VINH	12/06/2003	D17QLNL2	2,84	80		Khá	7.994.000
716	22810260130	NGUYỄN BÀ DƯƠNG	05/12/2004	D17QLNL1	2,75	75		Khá	7.994.000
717	22810260200	KHUẤT VŨ ANH THƯ	21/10/2004	D17QLNL2	2,72	80		Khá	7.994.000
718	22810260189	PHAN NHẬT HIẾU	30/04/2004	D17QLNL2	2,61	80		Khá	7.994.000
719	22810260115	TRẦN TRỌNG NGỌC	11/06/2004	D17QLNL2	2,58	80		Khá	7.994.000
720	22810260145	NGUYỄN TRUNG KIẾN	19/08/2004	D17QLNL2	2,5	80		Khá	7.994.000
721	22810000122	NGUYỄN VĂN CHIẾN	06/12/2004	D17QLNL1	2,5	80		Khá	7.994.000
722	22810000064	ĐẶNG KIỀU TRÂM ANH	29/04/2004	D17QTDVDL&LH2	3,59	95		Giỏi	7.062.000
723	22810000068	PHẠM HƯƠNG GIANG	04/11/2004	D17QTDVDL&LH2	3,53	81		Giỏi	7.062.000
724	22810000014	NGUYỄN NGỌC HUỖN	04/06/2002	D17QTDVDL&LH1	3,5	87		Giỏi	7.062.000
725	22810000083	PHƯƠNG THẢO	13/05/2004	D17QTDVDL&LH2	3,41	81		Giỏi	7.062.000
726	22810000009	ĐOÀN THỊ VÂN ANH	11/07/2004	D17QTDVDL&LH1	3,28	95		Giỏi	7.062.000
727	22810000010	PHÙNG HẢI ĐĂNG	09/03/2004	D17QTDVDL&LH1	3,28	93		Giỏi	7.062.000
728	22810710157	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	19/10/2004	D17QTDN3	3,59	81		Giỏi	7.685.700
729	22810710042	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	19/08/2004	D17QTDN1	3,53	81		Giỏi	7.685.700
730	22810710054	LÊ BÍCH NGỌC	30/08/2003	D17QTDN1	3,47	95		Giỏi	7.685.700
731	22810710065	BÙI ĐÌNH KIẾN	24/09/2004	D17QTDN1	3,47	81		Giỏi	7.685.700
732	22810710043	NGUYỄN TRỌNG KHANG	12/10/2004	D17QTDN1	3,44	81		Giỏi	7.685.700
733	22810710019	LÊ ĐỨC LÂM	21/08/2004	D17QTDN1	3,44	81		Giỏi	7.685.700
734	22810710035	ĐÀO XUÂN TIẾN	06/02/2004	D17QTDN1	3,38	82		Giỏi	7.685.700
735	22810710001	NGUYỄN THẢO NGÂN	10/08/2004	D17QTDN1	3,38	81		Giỏi	7.685.700
736	22810710025	VŨ THỊ LAN ANH	25/04/2004	D17QTDN1	3,32	81		Giỏi	7.685.700
737	22810710038	ĐOÀN ĐÌNH ĐÔNG	14/05/2004	D17QTDN1	3,29	90		Giỏi	7.685.700
738	22810710127	MAI KHÁNH HÒA	18/10/2004	D17QTDN2	3,26	95		Giỏi	7.685.700
739	22810710047	NGUYỄN THỊ BẠCH DƯƠNG	14/07/2004	D17QTDN1	3,26	87		Giỏi	7.685.700
740	22810710077	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT	18/05/2004	D17QTDN2	3,24	95		Giỏi	7.685.700
741	22810710011	NGUYỄN MỸ DUYỀN	10/10/2004	D17QTDN1	3,21	95		Giỏi	7.685.700
742	22810840107	ĐOÀN THỊ HẢI YẾN	04/07/2004	D17NGANHANG	3,87	95		Xuất sắc	9.663.600
743	22810820091	NGUYỄN THỊ YẾN	04/06/2004	D17TCDN2	3,68	81		Giỏi	8.858.300
744	22810820008	PHẠM THỊ HUƠNG BƯỚI	24/03/2004	D17TCDN1	3,58	81		Giỏi	8.858.300

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
745	22810820002	NGUYỄN THỊ HÀ NHƯ	18/07/2004	D17TCĐN1	3,5	81		Giỏi	8.858.300
746	22810840054	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	26/01/2004	D17NGANHANG	3,47	90		Giỏi	8.858.300
747	22810820049	ĐẶNG THỊ NỤ	05/05/2004	D17TCĐN1	3,47	81		Giỏi	8.858.300
748	22810840059	PHẠM NGỌC UYÊN	05/01/2004	D17NGANHANG	3,45	95		Giỏi	8.858.300
749	22810840006	CHU THỊ TUYẾT MAI	17/09/2004	D17NGANHANG	3,39	90		Giỏi	8.858.300
750	22810860059	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	14/11/2004	D17KDTMTT2	3,82	90		Xuất sắc	8.629.200
751	22810860052	NGUYỄN NGỌC ANH	07/06/2004	D17KDTMTT2	3,74	90		Xuất sắc	8.629.200
752	22810860089	TRẦN VĂN HIỂN	26/02/2004	D17KDTMTT2	3,68	98		Xuất sắc	8.629.200
753	22810860041	VŨ THỊ HƯỜNG	08/07/2003	D17KDTMTT1	3,82	81		Giỏi	7.910.100
754	22810860054	NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/02/2004	D17KDTMTT1	3,71	81		Giỏi	7.910.100
755	22810860031	TRẦN THỊ THANH LAM	15/07/2004	D17KDTMTT1	3,71	81		Giỏi	7.910.100
756	23810620040	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	04/10/2005	D18CĐT1	3,69	81		Giỏi	5.190.900
757	23810620015	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	03/05/2005	D18CĐT1	3,65	81		Giỏi	5.190.900
758	23810620054	ĐỖ MẠNH HIẾU	18/09/2005	D18CĐT2	3,62	81		Giỏi	5.190.900
759	23810620028	NGUYỄN LÊ DUY	07/10/2005	D18CĐT1	3,54	81		Giỏi	5.190.900
760	23810620037	NGUYỄN HỮU SƠN	01/11/2005	D18CĐT1	3,46	81		Giỏi	5.190.900
761	23810620061	LÊ HOÀNG BÁCH	25/11/2005	D18CĐT2	3,38	81		Giỏi	5.190.900
762	23810620027	HOÀNG NGỌC ANH	15/11/2005	D18CĐT1	3,31	81		Giỏi	5.190.900
763	23810610081	PHẠM NGỌC HIỆP	05/07/2005	D18CKCTM	3,54	87		Giỏi	5.190.900
764	23810610122	TÔ ĐỨC DIỆN	22/12/2005	D18CKCTM	3,46	81		Giỏi	5.190.900
765	23810610087	NGUYỄN BẢO KHÁNH	29/03/2005	D18CKCTM	3,46	81		Giỏi	5.190.900
766	23810610017	VŨ TUẤN MINH	10/11/2005	D18CKCTM	3,46	81		Giỏi	5.190.900
767	23810680016	PHAN VĂN HOÀNG	31/07/2005	D18CKOTO	3,31	81		Giỏi	5.190.900
768	23810680048	DƯ CAO HUY	19/09/2005	D18CKOTO	3,23	81		Giỏi	5.190.900
769	23810680121	TRẦN NGỌC HUẤN	09/04/2005	D18CKOTO	3,15	80		Khá	4.719.000
770	23810680112	TRẦN ĐẠI KHÁNH	18/05/2005	D18CKOTO	3,12	80		Khá	4.719.000
771	23810610071	DƯƠNG VĂN ĐẠT	09/12/2005	D18CKCTM	3,08	89		Khá	4.719.000
772	23810680102	NGUYỄN TRUNG HIẾU	27/02/2005	D18CKOTO	3,04	80		Khá	4.719.000
773	23810680103	NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG	11/07/2005	D18CKOTO	3	80		Khá	4.719.000
774	23810650040	NGUYỄN DUY NHẬT	21/04/2005	D18XDDD&CN	3,19	94		Khá	5.808.000
775	23810640050	LÊ BÁ HÙNG	09/01/2005	D18QLDA&CTXD	3,16	80		Khá	5.808.000
776	23810630078	CAO THU TRANG	29/08/2003	D18XDCTD	2,94	91		Khá	5.808.000
777	23810640037	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	14/02/2005	D18QLDA&CTXD	2,84	91		Khá	5.808.000
778	23810670041	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	29/12/2005	D18CODCT	2,75	80		Khá	5.808.000
779	23810640063	CHU QUỐC HÙNG	03/03/2005	D18QLDA&CTXD	2,69	80		Khá	5.808.000
780	23810670076	LÊ HOÀNG VŨ	02/07/2005	D18CODCT	2,63	80		Khá	5.808.000
781	23810540126	NGUYỄN NGỌC ÁNH	09/01/2005	D18DT&KTMT2	3,82	95		Xuất sắc	8.276.400
782	23810540153	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/01/2005	D18DT&KTMT2	3,71	95		Xuất sắc	8.276.400
783	23810540217	KHUẤT THỊ NGỌC ÁNH	02/06/2005	D18DT&KTMT1	3,68	92		Xuất sắc	8.276.400
784	23810510163	LÊ TIẾN HIẾU	24/01/2005	D18DTV2	3,63	90		Xuất sắc	8.276.400
785	23810510116	VƯƠNG ĐÀO ÁNH	29/12/2005	D18DTV1	3,84	87		Giỏi	7.586.700
786	23810510105	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	05/10/2005	D18DTV1	3,63	87		Giỏi	7.586.700
787	23810510138	ĐÌNH THỊ CHUYỀN	06/05/2005	D18DTV1	3,63	87		Giỏi	7.586.700
788	23810540044	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	23/04/2005	D18DT&KTMT1	3,58	90		Giỏi	7.586.700
789	23810540247	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	08/07/2005	D18DT&KTMT3	3,55	87		Giỏi	7.586.700
790	23810540081	NGUYỄN TRÍ KHÁNH	14/01/2005	D18DT&KTMT1	3,53	87		Giỏi	7.586.700
791	23810540093	HOÀNG NGỌC HẠ	09/07/2005	D18DT&KTMT1	3,53	81		Giỏi	7.586.700
792	23810540076	NGUYỄN SỸ THANH	30/12/2005	D18DT&KTMT1	3,53	81		Giỏi	7.586.700
793	23810510025	PHẠM THỊ HƯỜNG	09/05/2005	D18DTV1	3,47	95		Giỏi	7.586.700
794	23810540036	NGUYỄN PHÚ THIÊN	16/06/2005	D18DT&KTMT1	3,47	87		Giỏi	7.586.700
795	23810540040	NGUYỄN THU TRANG	11/03/2005	D18DT&KTMT3	3,42	92		Giỏi	7.586.700
796	23810540056	TRINH VĂN LẬP	01/01/2005	D18DT&KTMT1	3,42	81		Giỏi	7.586.700
797	23810540014	TRINH TIẾN MẠNH	14/05/2005	D18DT&KTMT1	3,42	81		Giỏi	7.586.700
798	23810540079	TẠ QUANG THẠCH	02/11/2005	D18DT&KTMT1	3,42	81		Giỏi	7.586.700
799	23810530230	CAO HIỂN LINH	08/05/2005	D18TBDTYT	3,41	94		Giỏi	6.788.100
800	23810510106	ĐÀO THỊ THU HỒNG	21/04/2005	D18DTV1	3,39	87		Giỏi	7.586.700
801	23810510123	TRẦN ĐÌNH THÁNH	28/09/2005	D18DTV1	3,37	87		Giỏi	7.586.700
802	23810180405	PHÙNG DUY BÌNH	08/03/2005	D18DCN&DD2	3,89	90		Xuất sắc	7.840.800
803	23810110466	LÊ VĂN TIẾN	10/07/2005	D18DCN&DD2	3,89	90		Xuất sắc	7.840.800
804	23810170239	NGUYỄN TRÍ TRUNG	30/05/2005	D18TDHHTD2	3,83	93		Xuất sắc	7.840.800
805	23810180483	NGUYỄN VĂN BÌNH	30/01/2005	D18DCN&DD2	3,78	90		Xuất sắc	7.840.800
806	23810180268	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	01/11/2005	D18DCN&DD2	3,72	81		Giỏi	7.187.400
807	23810110282	NGUYỄN NGỌC HẠ	23/08/2005	D18H2	3,61	87		Giỏi	7.187.400
808	23810180465	NGUYỄN BÁ SƠN	15/06/2005	D18DCN&DD2	3,61	87		Giỏi	7.187.400
809	23810170308	BÙI TUẤN KIẾT	20/02/2005	D18TDHHTD3	3,61	81		Giỏi	7.187.400
810	23810180076	LÊ VINH MINH	25/10/2005	D18DCN&DD1	3,61	81		Giỏi	7.187.400
811	23810110081	HOÀNG ĐỨC DUY	05/04/2005	D18TDHHTD1	3,61	81		Giỏi	7.187.400
812	23810110085	NGUYỄN HỮU HẢI	11/05/2005	D18H1	3,56	93		Giỏi	7.187.400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
813	23810110284	PHẠM VĂN CHÍNH	15/09/2005	D18H2	3,5	81		Giỏi	7.187.400
814	23810170180	NGUYỄN THỊ THẢO	26/01/2005	D18TDHHTD2	3,5	81		Giỏi	7.187.400
815	23810180468	NGUYỄN NGỌC CẢNH	26/11/2005	D18DCN&DD2	3,5	81		Giỏi	7.187.400
816	23810110189	ĐINH THỊ THU HƯỜNG	21/12/2005	D18H1	3,5	81		Giỏi	7.187.400
817	23810170235	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	05/04/2005	D18TDHHTD2	3,47	81		Giỏi	7.187.400
818	23810110170	TRỊNH KHÁNH HUYỀN	02/09/2005	D18H1	3,47	81		Giỏi	7.187.400
819	23810180213	HOÀNG VĂN TIẾP	20/09/2005	D18DCN&DD2	3,44	81		Giỏi	7.187.400
820	23810180159	NGUYỄN ANH ĐỨC	27/12/2005	D18DCN&DD1	3,44	81		Giỏi	7.187.400
821	23810170126	BÙI THỊ CẨM LY	17/04/2005	D18TDHHTD2	3,42	81		Giỏi	7.187.400
822	23810170217	NGUYỄN KHẮC TUẤN	14/10/2005	D18TDHHTD2	3,42	81		Giỏi	7.187.400
823	23810170316	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	07/12/2005	D18TDHHTD3	3,39	90		Giỏi	7.187.400
824	23810170222	LÂM VIỆT HOA	14/02/2004	D18TDHHTD2	3,39	81		Giỏi	7.187.400
825	23810170181	LÊ THỊ THU HIỀN	20/07/2005	D18TDHHTD2	3,33	95		Giỏi	7.187.400
826	23810110129	VŨ QUANG HẢO	26/03/2005	D18H1	3,33	90		Giỏi	7.187.400
827	23810170078	NGUYỄN THÁI SƠN	08/06/2005	D18TDHHTD1	3,33	81		Giỏi	7.187.400
828	23810110238	NGUYỄN THANH BÌNH	29/08/2005	D18H2	3,33	81		Giỏi	7.187.400
829	23810110370	NGUYỄN NHẬT LINH	19/12/2005	D18H2	3,31	90		Giỏi	7.187.400
830	23810170131	PHẠM NGỌC ĐẠI	05/03/2005	D18TDHHTD2	3,31	81		Giỏi	7.187.400
831	23810170130	ĐÔNG VĂN QUẢN	04/04/2004	D18TDHHTD2	3,31	81		Giỏi	7.187.400
832	23810170146	ĐẬU ĐÌNH THƯỢNG	16/07/2005	D18TDHHTD2	3,31	81		Giỏi	7.187.400
833	23810180337	TRỊNH LÊ BÁ	01/07/2005	D18DCN&DD2	3,28	93		Giỏi	7.187.400
834	23810180153	ĐÀO XUÂN KIẾN	01/01/2005	D18DCN&DD1	3,28	81	3,38	Giỏi	7.187.400
835	23810430157	LÃ XUÂN GIANG	05/10/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,83	81		Giỏi	7.187.400
836	23810410208	NGUYỄN VĂN TÂN	26/12/2005	D18CNKTDK2	3,78	81		Giỏi	7.187.400
837	23810410283	NGUYỄN MINH HIẾU	08/01/2005	D18CNKTDK2	3,69	81		Giỏi	7.187.400
838	23810430113	HOÀNG THỊ NGÂN LOAN	14/06/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,67	81		Giỏi	7.187.400
839	23810430144	ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO	20/06/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,64	81		Giỏi	7.187.400
840	23810430263	DƯ MINH ĐẠT	11/04/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,61	81		Giỏi	7.187.400
841	23810430154	LÊ HOÀNG QUÝ	05/01/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,61	81		Giỏi	7.187.400
842	23810430218	NGUYỄN BÀ MẠNH	10/02/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,58	81		Giỏi	7.187.400
843	23810440023	VŨ HOÀNG ANH	10/08/2005	D18THDK&TDH1	3,56	81		Giỏi	7.187.400
844	23810430259	NGUYỄN VĂN THAO	25/04/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,5	81		Giỏi	7.187.400
845	23810410002	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	29/12/2005	D18CNKTDK1	3,5	81		Giỏi	7.187.400
846	23810430202	ĐOÀN VĂN PHONG	16/09/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,5	81		Giỏi	7.187.400
847	23810430112	ĐỖ ĐỨC HIẾU	25/05/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,44	81		Giỏi	7.187.400
848	23810430169	BÙI MẠNH TRƯỜNG	28/10/2005	D18TDH&DKTBCN2	3,44	81		Giỏi	7.187.400
849	23810440083	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	06/01/2005	D18THDK&TDH1	3,44	81		Giỏi	7.187.400
850	23810410138	ĐÀO QUANG HUY	01/01/2005	D18CNKTDK1	3,42	81		Giỏi	7.187.400
851	23810430064	BÙI TẮT HIỆP	21/01/2005	D18TDH&DKTBCN1	3,42	81		Giỏi	7.187.400
852	23810410222	NGUYỄN TUẤN HÙNG	10/04/2005	D18CNKTDK2	3,42	81		Giỏi	7.187.400
853	23810430099	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	01/12/2005	D18TDH&DKTBCN1	3,39	81		Giỏi	7.187.400
854	23810430078	PHÙNG TIẾN DŨNG	12/08/2005	D18TDH&DKTBCN1	3,39	81		Giỏi	7.187.400
855	23810430233	TRẦN XUÂN QUÝ	21/01/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,39	81		Giỏi	7.187.400
856	23810430302	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	02/01/2005	D18TDH&DKTBCN3	3,33	81		Giỏi	7.187.400
857	23810430092	LẠI TRUNG TRỰC	05/03/2005	D18TDH&DKTBCN1	3,33	81		Giỏi	7.187.400
858	23810430042	NGUYỄN VĂN QUỲNH	20/04/2005	D18TDH&DKTBCN1	3,31	92		Giỏi	7.187.400
859	23810440206	CHU TRẦN VIỆT HẢI	09/08/2005	D18THDK&TDH2	3,31	81		Giỏi	7.187.400
860	23819140005	LẠI UYÊN NHI	17/12/2005	D18QLMTCN	2,81	80		Khá	6.534.000
861	23819150039	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	20/02/2005	D18NLTT1	3,24	80		Giỏi	7.586.700
862	23819150019	ĐỖ TUẤN LINH	08/12/2005	D18NLTT1	3,03	80		Khá	6.897.000
863	23819150017	HOÀNG DIỆU LINH	30/10/2004	D18NLTT1	2,76	80		Khá	6.897.000
864	23819150031	NGUYỄN HUY HOÀNG	26/11/2005	D18NLTT1	2,68	80		Khá	6.897.000
865	23819150051	TRỊNH MINH ĐỨC	20/11/2005	D18NLTT2	2,68	65		Khá	6.897.000
866	23819150015	NGUYỄN LÊ ĐĂNG KHOA	01/11/2005	D18NLTT1	2,66	80		Khá	6.897.000
867	23819150070	NGÔ ĐÌNH QUỐC VIỆT	07/01/2005	D18NLTT2	2,58	65		Khá	6.897.000
868	23810310071	NGUYỄN THỊ THỦY NHÂM	07/11/2005	D18CNPM1	3,79	95		Xuất sắc	7.405.200
869	23810320030	PHẠM MINH ĐỨC	10/06/2005	D18QTANM	3,74	95		Xuất sắc	7.405.200
870	23810310132	ĐỖ QUANG HÀ	13/06/2005	D18CNPM2	3,71	90		Xuất sắc	7.405.200
871	23810310265	PHẠM THỊ PHƯỢNG	12/02/2005	D18CNPM4	3,65	95		Xuất sắc	7.405.200
872	23810310183	NGUYỄN THỊ DIỆU CHÂU	21/12/2005	D18CNPM3	3,65	95		Xuất sắc	7.405.200
873	23810310076	PHẠM ĐÌNH TIẾN HOÀNG	04/11/2005	D18CNPM1	3,65	90		Xuất sắc	7.405.200
874	23810310003	LÊ QUỲNH TRANG	21/08/2005	D18CNPM1	3,65	90		Xuất sắc	7.405.200
875	23810310119	ĐINH TRỌNG NGHĨA	17/10/2005	D18CNPM2	3,62	92		Xuất sắc	7.405.200
876	23810310144	NGUYỄN BÀ NHÂN	18/08/2005	D18CNPM2	3,88	81		Giỏi	6.788.100
877	23810310171	VŨ QUANG THÀNH	27/11/2005	D18CNPM3	3,82	81		Giỏi	6.788.100
878	23810310083	DIỆM VIỆT ANH	17/03/2005	D18CNPM2	3,79	87		Giỏi	6.788.100
879	23810310027	NGUYỄN THỊ XUÂN HOA	24/12/2005	D18CNPM1	3,79	87		Giỏi	6.788.100
880	23810310081	TRẦN MINH NGUYỆT	10/11/2005	D18CNPM2	3,76	81		Giỏi	6.788.100

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
881	23810310199	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	29/08/2005	D18CNPM3	3,76	81		Giỏi	6.788.100
882	23810310222	TRƯƠNG QUỐC LỘC	06/03/2005	D18CNPM3	3,76	81		Giỏi	6.788.100
883	23810310338	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	12/09/2005	D18CNPM5	3,65	81		Giỏi	6.788.100
884	23810310190	LƯU XUÂN TÙNG	04/03/2005	D18CNPM3	3,65	81		Giỏi	6.788.100
885	23810310177	NGUYỄN THỊ HUỆ MINH	09/03/2005	D18CNPM3	3,65	81		Giỏi	6.788.100
886	23810310194	TẠ THỊ NGỌC ANH	03/06/2005	D18CNPM3	3,62	81		Giỏi	6.788.100
887	23810310228	HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN	22/02/2005	D18CNPM3	3,62	81		Giỏi	6.788.100
888	23810310233	PHẠM TRẦN THÀNH CÔNG	17/05/2005	D18CNPM3	3,62	81		Giỏi	6.788.100
889	23810310397	NGUYỄN QUANG ĐẠT	01/02/2005	D18CNPM1	3,59	95		Giỏi	6.788.100
890	23810310246	BÙI ĐÌNH HIẾU	15/08/2005	D18CNPM4	3,59	87		Giỏi	6.788.100
891	23810320137	NGUYỄN VIỆT THẢO	12/11/2005	D18QTANM	3,59	87		Giỏi	6.788.100
892	23810340287	PHAN THỊ THẢO VI	29/07/2005	D18HTTMDT	3,59	81		Giỏi	6.788.100
893	23810310061	NGUYỄN VĂN NGHĨA	15/08/2005	D18CNPM1	3,56	87		Giỏi	6.788.100
894	23810310152	NGUYỄN THỊ HẢO	15/01/2005	D18CNPM2	3,56	81		Giỏi	6.788.100
895	23810340122	NGUYỄN THẾ PHONG	18/03/2005	D18HTTMDT	3,56	81		Giỏi	6.788.100
896	23810320448	TRẦN QUANG VINH	05/11/2005	D18QTANM	3,56	81		Giỏi	6.788.100
897	23810340442	NGUYỄN TRƯỜNG HÙNG	27/03/2005	D18HTTMDT	3,53	87		Giỏi	6.788.100
898	23810310115	LÊ MINH QUẢN	09/12/2005	D18CNPM2	3,5	90		Giỏi	6.788.100
899	23810810118	NGUYỄN THỊ DUNG	10/05/2005	D18KTDN2	3,73	81		Giỏi	4.616.700
900	23810810065	NGUYỄN THANH HÀ	20/09/2005	D18KTDN1	3,59	81		Giỏi	4.616.700
901	23810810071	PHAN NGỌC HUYỀN	15/03/2005	D18KTDN1	3,55	81		Giỏi	4.616.700
902	23810830053	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	24/10/2004	D18KT&KS	3,45	81		Giỏi	4.616.700
903	23810810083	VŨ THANH AN	10/10/2005	D18KTDN2	3,45	81		Giỏi	4.616.700
904	23810810141	PHAN THU GIANG	09/02/2005	D18KTDN2	3,45	81		Giỏi	4.616.700
905	23810810091	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	03/09/2005	D18KTDN2	3,45	81		Giỏi	4.616.700
906	23810810023	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY	25/11/2005	D18KTDN1	3,32	81		Giỏi	4.616.700
907	23810810170	PHAN HỒNG NHUNG	02/04/2005	D18KTDN3	3,27	81		Giỏi	4.616.700
908	23810810104	NGUYỄN THỊ MINH ANH	01/12/2005	D18KTDN2	3,27	81		Giỏi	4.616.700
909	23810830069	NGUYỄN THU UYÊN	24/04/2005	D18KT&KS	3,27	81		Giỏi	4.616.700
910	23810830039	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	20/06/2005	D18KT&KS	3,23	81		Giỏi	4.616.700
911	23810810190	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	15/01/2005	D18KTDN3	3,18	80		Khá	4.197.000
912	23810810130	NGUYỄN KHÁNH LY	02/11/2005	D18KTDN2	3,18	80		Khá	4.197.000
913	23810810143	TUẦN THỦY DUNG	05/11/2005	D18KTDN3	3,18	80		Khá	4.197.000
914	23810810018	LƯU HỮU NGHĨA	21/10/2005	D18KTDN1	3,18	80		Khá	4.197.000
915	23810850040	HỒNG MINH QUẢN	29/11/2005	D18KIEMTOAN	3,45	81		Giỏi	4.616.700
916	23810850033	NGUYỄN THỊ ANH NGỌC	22/09/2005	D18KIEMTOAN	3,41	81		Giỏi	4.616.700
917	23810850045	CAO MINH TRANG	05/08/2005	D18KIEMTOAN	3,36	81		Giỏi	4.616.700
918	23810850065	LÊ THỊ HƯƠNG QUỲNH	12/11/2005	D18KIEMTOAN	3,27	81		Giỏi	4.616.700
919	23810850001	CHU THỊ THUY HẰNG	29/06/2005	D18KIEMTOAN	3,18	80	3,5	Khá	4.197.000
920	23819110030	HOÀNG MINH DOÃN	20/06/2005	D18NHIETDIEN	3,74	81		Giỏi	7.586.700
921	23819110008	TRẦN XUÂN BẮC	10/01/2005	D18NHIETDIEN	3,32	81		Giỏi	7.586.700
922	23819130120	PHẠM GIA BÌNH	23/11/2005	D18DIENLANH1	3,29	81		Giỏi	7.586.700
923	23819120091	TRẦN ĐỨC TOÀN	22/11/2005	D18DIENLANH2	3,13	80		Khá	6.897.000
924	23819120131	PHẠM BÁ VƯỢNG	08/12/2005	D18DIENLANH2	2,95	80		Khá	6.897.000
925	23819120048	TRẦN VĂN BẮC	28/10/2005	D18DIENLANH1	2,92	80		Khá	6.897.000
926	23819120023	NGUYỄN HỮU THẠCH	28/09/2005	D18DIENLANH1	2,89	80		Khá	6.897.000
927	23819120117	ĐÀM THẾ VINH	26/02/2005	D18DIENLANH2	2,87	80		Khá	6.897.000
928	23819120003	TRẦN QUANG HẢI	18/09/2005	D18DIENLANH1	2,74	80		Khá	6.897.000
929	23819110043	LÊ XUÂN ĐAI	12/08/2005	D18NHIETDIEN	2,74	80	2,5	Khá	6.897.000
930	23810230175	BÙI THỊ VĂN ANH	05/11/2005	D18LOGISTICS3	3,63	90		Xuất sắc	6.969.600
931	23810230045	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG LINH	30/12/2005	D18LOGISTICS1	3,63	90		Xuất sắc	6.969.600
932	23810230013	NGUYỄN DIỆU LINH	31/05/2005	D18LOGISTICS1	3,81	81		Giỏi	6.388.800
933	23810230054	NGUYỄN THỊ THU THẢO	01/04/2005	D18LOGISTICS1	3,72	81		Giỏi	6.388.800
934	23810230090	ĐÌNH THỊ THANH TÂM	03/11/2005	D18LOGISTICS2	3,69	81		Giỏi	6.388.800
935	23810230124	NGUYỄN THẢO LINH	02/05/2005	D18LOGISTICS3	3,63	87		Giỏi	6.388.800
936	23810230003	NGUYỄN THỊ LOAN	01/01/2005	D18LOGISTICS1	3,63	81		Giỏi	6.388.800
937	23810230226	HOÀNG TRỌNG HUY	25/08/2005	D18LOGISTICS4	3,59	87		Giỏi	6.388.800
938	23810230242	QUÁCH THỊ THỦY LINH	01/10/2005	D18LOGISTICS1	3,59	81		Giỏi	6.388.800
939	23810230113	PHẠM THỊ TÂM	21/01/2005	D18LOGISTICS2	3,59	81		Giỏi	6.388.800
940	23810230073	NGÔ NGỌC BÍCH	28/02/2005	D18LOGISTICS2	3,56	92		Giỏi	6.388.800
941	23810230103	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	05/01/2005	D18LOGISTICS2	3,56	87		Giỏi	6.388.800
942	23810230094	NGUYỄN BÁ PHÁT	05/12/2005	D18LOGISTICS2	3,56	81		Giỏi	6.388.800
943	23810230006	HỒ KHÁNH HUYỀN	03/01/2005	D18LOGISTICS1	3,56	81		Giỏi	6.388.800
944	23810230092	TRỊNH THỊ NGỌC THIÊN	24/07/2005	D18LOGISTICS2	3,53	81		Giỏi	6.388.800
945	23810230066	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	18/02/2005	D18LOGISTICS2	3,5	90		Giỏi	6.388.800
946	23810230204	TRẦN XUÂN BẠCH	23/08/2005	D18LOGISTICS4	3,5	90		Giỏi	6.388.800
947	23810220019	NGUYỄN PHƯỢNG LINH	14/01/2005	D18QLCN1	3,53	81		Giỏi	6.388.800
948	23810220032	NGUYỄN THỊ DUNG	30/10/2005	D18QLCN1	3,47	81		Giỏi	6.388.800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS 4)	Điểm rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại Học bổng	Mức học bổng được nhận (VND)
949	23810220059	LÊ TẤN HÙNG	02/06/2005	D18QLCN1	3,22	81		Giỏi	6.388.800
950	23810220091	ĐOÀN THỊ LAN	23/08/2005	D18QLCN2	3,16	86		Khá	5.808.000
951	23810220067	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	14/05/2005	D18QLCN2	3,16	75		Khá	5.808.000
952	23810220087	DƯƠNG THỊ HOÀI	26/07/2005	D18QLCN2	3	89		Khá	5.808.000
953	23810220112	TRẦN THỊ NGỌC LAN	06/08/2005	D18QLCN2	2,94	75		Khá	5.808.000
954	23810220126	TRẦN VĂN ĐỨC	28/02/2005	D18QLCN3	2,91	86		Khá	5.808.000
955	23810220094	TRẦN THẾ HẢI	22/08/2005	D18QLCN2	2,81	75		Khá	5.808.000
956	23810220136	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	30/05/2005	D18QLCN3	2,69	94		Khá	5.808.000
957	23810220084	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/03/2005	D18QLCN2	2,69	89		Khá	5.808.000
958	23810220088	LÊ THUY LINH	18/10/2005	D18QLCN2	2,69	75		Khá	5.808.000
959	23810220033	PHẠM HUỲNH NHƯ TRANG	15/10/2005	D18QLCN1	2,63	80		Khá	5.808.000
960	23810210002	PHẠM QUANG ĐẠO	18/06/2004	D18QLNL	3,69	90		Xuất sắc	6.969.600
961	23810210036	NGUYỄN BẢO TRANG	08/08/2005	D18QLNL	3,59	90		Giỏi	6.388.800
962	23810210007	TRẦN ĐÌNH ĐẠT	01/07/2005	D18QLNL	2,84	89		Khá	5.808.000
963	23810210018	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	15/08/2005	D18QLNL	2,59	75		Khá	5.808.000
964	23810000001	LÊ THỊ NGỌC HÂN	13/08/2003	D18QTDVLD&LH1	3,73	81		Giỏi	6.213.900
965	23810000024	CAO MINH HIỀN	15/09/2005	D18QTDVLD&LH1	3,73	81		Giỏi	6.213.900
966	23810000051	ĐẶNG THỊ HÂN	14/09/2005	D18QTDVLD&LH1	3,7	81		Giỏi	6.213.900
967	23810000004	NGUYỄN THỊ ĐÀO TRANG	18/09/2005	D18QTDVLD&LH1	3,7	81		Giỏi	6.213.900
968	23810000018	BÙI THỊ DIỆU	26/03/2005	D18QTDVLD&LH1	3,67	81		Giỏi	6.213.900
969	23810000014	VĂN THỊ HẰNG	11/05/2005	D18QTDVLD&LH1	3,6	81		Giỏi	6.213.900
970	23810000045	NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG	07/10/2005	D18QTDVLD&LH1	3,5	81		Giỏi	6.213.900
971	23810710024	LÊ HỒNG NHUNG	25/02/2004	D18QTDN1	3,93	81		Giỏi	5.814.600
972	23810710003	ĐỖ THỊ THANH HOA	21/03/2005	D18QTDN1	3,86	81		Giỏi	5.814.600
973	23810710068	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	01/02/2005	D18QTDN2	3,86	81		Giỏi	5.814.600
974	23810710182	BÙI THỊ THẨM	15/05/2005	D18QTDN3	3,75	81		Giỏi	5.814.600
975	23810710004	NGUYỄN THỊ HỒNG	17/12/2005	D18QTDN1	3,71	81		Giỏi	5.814.600
976	23810710033	ĐẶNG THỊ KIỀU OANH	25/03/2005	D18QTDN1	3,68	81		Giỏi	5.814.600
977	23810710002	NGUYỄN QUỲNH TRANG	08/01/2005	D18QTDN1	3,64	81		Giỏi	5.814.600
978	23810710206	NGUYỄN THỊ LINH	18/12/2005	D18QTDN1	3,64	81		Giỏi	5.814.600
979	23810710231	PHÙNG THỊ LAN	24/03/2005	D18QTDN3	3,64	81		Giỏi	5.814.600
980	23810710184	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	30/01/2005	D18QTDN3	3,64	81		Giỏi	5.814.600
981	23810710176	VŨ THU TRANG	07/12/2005	D18QTDN3	3,64	81		Giỏi	5.814.600
982	23810710009	MẠC THỊ CẨM TÚ	30/10/2005	D18QTDN1	3,61	81		Giỏi	5.814.600
983	23810710141	TRẦN THỊ THUY TRANG	27/04/2005	D18QTDN3	3,61	81		Giỏi	5.814.600
984	23810710041	ĐINH THỊ CHI MAI	09/05/2005	D18QTDN1	3,57	81		Giỏi	5.814.600
985	23810710135	LƯU THỊ MAI LAN	18/05/2005	D18QTDN3	3,57	81		Giỏi	5.814.600
986	23810710229	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	25/08/2005	D18QTDN3	3,57	81		Giỏi	5.814.600
987	23810820040	NGUYỄN PHAN THẢO QUYÊN	12/02/2005	D18TCDN1	3,82	95		Xuất sắc	5.036.400
988	23810820039	ĐỖ THỊ CẨM MY	18/10/2005	D18TCDN1	3,73	87		Giỏi	4.616.700
989	23810820051	NGUYỄN THUY TRANG	21/06/2005	D18TCDN1	3,73	81		Giỏi	4.616.700
990	23810820033	LÊ PHƯƠNG HOA	09/05/2005	D18TCDN1	3,64	81		Giỏi	4.616.700
991	23810820052	HOÀNG HUỲNH TRÂM	20/07/2005	D18TCDN1	3,64	81		Giỏi	4.616.700
992	23810820050	TRẦN THỊ THUY	04/10/2005	D18TCDN1	3,64	81		Giỏi	4.616.700
993	23810820078	BÙI ANH TÚ	02/08/2005	D18TCDN1	3,59	87		Giỏi	4.616.700
994	23810820074	NGÔ TIỂU NGỌC	23/02/2005	D18TCDN1	3,55	81		Giỏi	4.616.700
995	23810820035	NGUYỄN HẢI MINH	08/04/2005	D18TCDN1	3,5	90		Giỏi	4.616.700
996	23810820099	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	18/03/2005	D18TCDN2	3,5	81		Giỏi	4.616.700
997	23810860001	DƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG	07/01/2005	D18KDTMTT1	3,86	95		Xuất sắc	6.343.200
998	23810860119	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	12/06/2005	D18KDTMTT2	3,82	90		Xuất sắc	6.343.200
999	23810860048	LÊ THU HOÀI	17/03/2005	D18KDTMTT1	3,75	90		Xuất sắc	6.343.200
1000	23810860067	NGUYỄN THỊ HÀ CHI	20/05/2005	D18KDTMTT2	3,71	92		Xuất sắc	6.343.200
1001	23810860061	DƯƠNG THỊ THU TRANG	28/06/2005	D18KDTMTT2	3,64	92		Xuất sắc	6.343.200
1002	23810860072	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	25/11/2005	D18KDTMTT2	3,86	87		Giỏi	5.814.600
1003	23810860111	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	15/10/2005	D18KDTMTT2	3,86	81		Giỏi	5.814.600
TỔNG CỘNG									8.455.281.170
<i>Số tiền bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, một trăm bảy mươi đồng./.</i>									

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Xuân Hòa